

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục	1
ĐỀ cương chi tiết học phần	2
Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	7
Chương I: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	12
Chương II: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	24
Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	38
Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam	47
Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	56
Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân	67
Chương VII: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới	78

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần

Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Tiếng Anh: **Ho Chi Minh ideology**

2. Mã số:

3. Thời lượng: 02 tín chỉ

<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành</i>	<i>Thí nghiệm</i>
30	0	0

4. Các học phần học tiên quyết, học phần học trước và song hành

Học phần học trước: Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin(HP1,2)

5. Mô tả vắn tắt học phần

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn khoa học chính trị bao gồm hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

6. Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một học phần cơ bản trong hệ thống các môn Lý luận Chính trị. Dựa trên những kiến thức đã được trang bị về thế giới quan, phương pháp luận, các nguyên lí, các quy luật và các cặp phạm trù (được trang bị ở học phần Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, học phần 1); cùng với những kiến thức về học thuyết giá trị, giá trị thặng dư, về chủ nghĩa tư bản độc quyền; về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và CNXH (được trang bị ở học phần Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, học phần 2). Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ trang bị những kiến thức để phục vụ cho việc nghiên cứu, vận dụng, học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời, môn học tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với môn học Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở, nền tảng của môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

7. Mục tiêu của học phần đối với người học

Kiến thức

1. Nắm được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng HỒ Chí Minh
2. Hiểu được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh
3. Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng HỒ Chí Minh về: vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về dân chủ và xây dựng nhà nước cả dân do dân và vì dân và tư tưởng HỒ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

Kỹ năng

1. Về tư duy: Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác.
2. Về thái độ chính trị: Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

8. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giáo trình Tư tưởng HỒ Chí Minh; Nxb Chính trị Quốc gia - Hà Nội; 2016.

Ghi chú: Tài liệu hiện có tại Bộ môn, dạng sách.

Tài liệu tham khảo:

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam; Văn kiện Đảng toàn tập; Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội; 2002.

Ghi chú: Tài liệu hiện có tại thư viện trường, dạng sách.

[3]. V.I.Lênin; Toàn tập; Nxb Chính trị Quốc gia – Hà Nội; 2005.

Ghi chú: Tài liệu chưa có, cần bổ sung.

[4]. C. Mác - Ph. Ăngghen; Toàn tập; Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội; 2004

Ghi chú: Tài liệu hiện có tại thư viện trường, dạng sách.

[5]. HỒ Chí Minh; Toàn tập; Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội; 2011.

Ghi chú: Tài liệu hiện có tại Bộ môn, dạng ebook.

[6]. HỒ Chí Minh biên niên tiểu sử; Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội; 2008.

Ghi chú: Tài liệu chưa có, cần bổ sung.

[7]. GS. Song Thành; HỒ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc; Nxb Lý luận chính trị - Hà Nội; 2005.

Ghi chú: Tài liệu hiện có tại Bộ môn, dạng sách.

9. Nội dung học phần

Người biên soạn: ThS. Lương Thị Thúy Nga; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng;

ThS. Phạm Thị Cẩm Ly; ThS. Ngô Thị Phương Thảo

STT	NỘI DUNG	Ghi chú
1	Chương MĐ. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH I. Đối tượng nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên	
2	Chương I. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	
3	Chương II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc	
4	Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam II. Con đường, biện pháp quá độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	
5	Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam	

	II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh	
6	Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế	
7	Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN I. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân II. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước III. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ IV. Xây dựng nhà nước trong sạch vững mạnh, hoạt động có hiệu quả	
8	Chương VII: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới	

10. Đánh giá người học

- *Đánh giá quá trình học phân (40% kể cả điểm chuyên cần)*

Nội dung hoặc mục tiêu	Hình thức đánh giá				
	Quiz	Bài tập nộp	Tiểu luận	Thực hành/Thí nghiệm	Kiểm tra quá trình
1. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	13.4%		0	0	13,3%
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh cách mạng giải phóng dân tộc			0	0	
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam			0	0	

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế
6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân
7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới

0	0	13.3
0	0	
0	0	

- Đánh giá kết thúc học phần (60%)

Hình thức	Vấn đáp
Thời lượng	Theo quy định hỏi thi vấn đáp
Nội dung đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và ý nghĩa học tập môn học - Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh - Những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh - Liên hệ bản thân

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN MÔN

ThS Nguyễn Thị Thu Thủy

ThS Lương Thị Thúy Nga

CHƯƠNG MỞ ĐẦU
ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bài giảng sẽ cung cấp cho sinh viên:

- Kiến thức nhập môn tư tưởng Hồ Chí Minh: định nghĩa chung về tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó rút ra đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của môn khoa học này và mối quan hệ của nó với các môn khoa học Mác - Lênin.
- Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu riêng cụ thể.
- Ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên.

2. Yêu cầu

Sinh viên phải nắm được: Định nghĩa và những nội dung căn bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Nắm vững phương pháp nghiên cứu, mối quan hệ của môn tư tưởng Hồ Chí Minh với các môn liên quan và rút ra ý nghĩa của việc học tập môn học đối với bản thân.

B. NỘI DUNG

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng HỒ Chí Minh

a. Khái niệm tư tưởng

Tư tưởng là sự phản ánh hiện thực trong ý thức, là biểu hiện quan hệ của con người với thế giới chung quanh. Thuật ngữ “tư tưởng” trong cụm từ “tư tưởng HỒ Chí Minh” được hiểu là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên một nền tảng triết học nhất quán, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc được hình thành trên cơ sở thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực.

Khái niệm nhà tư tưởng: Theo Lênin: Một người xứng đáng là nhà tư tưởng khi nào biết giải quyết trước người khác tất cả những vấn đề chính trị - sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát.

b. Khái niệm tư tưởng HỒ Chí Minh

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001) xác định:

Tư tưởng HỒ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa, văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”¹.

- Dựa trên định hướng cơ bản các văn kiện đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam, các nhà khoa học đã đưa ra định nghĩa:

“Tư tưởng HỒ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.88

dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người”².

2. Đối tượng nghiên cứu và nhiệm vụ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm các quan điểm, quan niệm, lý luận về cách mạng Việt Nam và quá trình vận động, hiện thực hóa các quan điểm, lý luận đó của Người trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

b. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở đối tượng nghiên cứu, môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiệm vụ đi sâu nghiên cứu làm rõ các nội dung sau:

- Cơ sở, quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Vai trò nền tảng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam;
- Quá trình nhận thức, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng của Đảng và Nhà nước ta;
- Các giá trị tư tưởng, lý luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

3. Mối quan hệ với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Mối quan hệ với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin với các bộ phận lý luận cấu thành của nó là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh. Do vậy, giữa hai môn học này có mối quan hệ biện chứng với nhau. Muốn nghiên cứu, giảng dạy, học tập tốt tư tưởng

² Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.19

HỒ Chí Minh cần phải nắm vững kiến thức về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

b. Mối quan hệ với môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Tư tưởng HỒ chí Minh là một bộ phận tư tưởng của Đảng nhưng với tư cách là một bộ phận nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng, là cơ sở khoa học cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin để xây dựng đường lối chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn. Như vậy, môn học tư tưởng HỒ Chí Minh có mối quan hệ chặt chẽ với môn học đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở phương pháp luận

Dựa trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học chủ nghĩa Mác - Lênin và bản thân các quan điểm có giá trị phương pháp luận của HỒ Chí Minh. Dưới đây là một số nguyên tắc phương pháp luận trong nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh.

a. Bảo đảm sự thống nhất nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học

Nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh phải đứng trên lập trường, quan điểm, phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lênin và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; bảo đảm tính khách quan khi phân tích, lý giải và đánh giá tư tưởng HỒ Chí Minh, tránh việc áp đặt, cường điệu hóa hoặc hiện đại hóa tư tưởng của Người. Tính đảng và tính khoa học phải thống nhất với nhau trong sự phản ánh trung thực, khách quan tư tưởng HỒ Chí Minh trên cơ sở lập trường, phương pháp luận và định hướng chính trị.

b. Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn

Chủ nghĩa Mác – Lênin cho rằng: Thực tiễn là tiêu chuẩn, thước đo kiểm tra chân lý. Giữa lý luận và thực tiễn có mối quan hệ biện chứng với nhau.

HỒ Chí Minh luôn bám sát thực tiễn cách mạng thế giới và trong nước, coi trọng tổng kết thực tiễn, coi đó là biện pháp nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn và nhằm nâng cao trình độ lý luận.

Nghiên cứu, học tập tư tưởng HỒ Chí Minh cần quán triệt quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành, phải biết vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống, thực tiễn, phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của đất nước.

c. Quan điểm lịch sử - cụ thể

Khi giải quyết bất cứ một vấn đề nào cũng phải đặt nó trong bối cảnh sự hình thành và tồn tại và phát triển của nó.

Khi vận dụng những nguyên lý chung vào hoàn cảnh cụ thể cần phải biết cá biệt hóa nó cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể ấy.

d. Quan điểm toàn diện và hệ thống

Nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh phải luôn quán triệt mối quan hệ qua lại của các yếu tố, các nội dung khác nhau trong hệ thống tư tưởng đó và phải lấy hạt nhân cốt lõi là tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nếu tách rời một yếu tố nào đó khỏi hệ thống sẽ dẫn đến hiểu sai tư tưởng HỒ Chí Minh.

đ. Quan điểm kế thừa và phát triển

HỒ Chí Minh là một mẫu mực về sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam; là thiên tài của sự kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Học tập, nghiên cứu tư tưởng HỒ Chí Minh đòi hỏi không chỉ biết kế thừa, vận dụng mà còn phải biết phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong điều kiện mới của đất nước và quốc tế.

e. Kết hợp nghiên cứu các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của HỒ Chí Minh

Nghiên cứu và học tập tư tưởng HỒ Chí Minh chỉ dừng ở các bài nói, bài viết, tác phẩm của Người là hoàn toàn chưa đầy đủ. Kết quả hành động thực tiễn, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu và xây dựng của nhân dân Việt Nam chính là lời giải thích rõ ràng giá trị khoa học của tư tưởng HỒ Chí Minh.

2. Các phương pháp cụ thể

Dựa trên quan niệm duy vật về lịch sử; quan điểm lịch sử cụ thể; sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể của khoa học lịch sử nói chung như các phương pháp: lịch sử và logic, đồng đại và lịch đại, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, cụ thể hóa và trừu tượng hóa... trong đó quan trọng nhất là phương pháp lịch sử và phương pháp logic cùng sự kết hợp hai phương pháp ấy.

III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác

Thông qua học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để bồi dưỡng củng cố cho sinh viên, thanh niên lập trường quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái..... Biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh giúp nâng cao lòng tự hào về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam...

Trên cơ sở đó sinh viên vận dụng vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình, đóng góp cho xã hội...

C. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh?
2. Làm rõ đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh?

CHƯƠNG I

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bài giảng cung cấp cho sinh viên:

- Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó, chứng minh được tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp biện chứng giữa trí tuệ Hồ Chí Minh, trí tuệ dân tộc và trí tuệ thời đại.
- Các giai đoạn trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó, chứng minh được tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam.
- Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới thông qua giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Yêu cầu

Sinh viên nắm được cơ sở khách quan, chủ quan đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung, đặc điểm của từng giai đoạn trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

B. NỘI DUNG

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở khách quan

a. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

Bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

+ Xã hội Việt Nam trước khi Pháp xâm lược là xã hội phong kiến độc lập, nền nông nghiệp lạc hậu, trì trệ. Chính quyền nhà Nguyễn đã thi hành chính sách đối nội, đối ngoại trì trệ, bảo thủ... Vì vậy, đã không phát huy được những thế mạnh của dân tộc, không tạo ra tiềm lực vật chất và tinh thần đủ sức bảo vệ Tổ quốc, chống lại âm mưu xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

+ Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858), xã hội Việt Nam thay đổi về tính chất xã hội từ xã hội phong kiến độc lập trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

Trong lòng xã hội thuộc địa, mâu thuẫn mới bao trùm lên mâu thuẫn cũ, nó không thủ tiêu mâu thuẫn cũ mà là cơ sở để duy trì mâu thuẫn cũ, làm cho xã hội Việt Nam càng thêm đen tối. Các phong trào vũ trang kháng chiến chống thực dân Pháp rầm rộ, lan rộng ra cả nước... lãnh đạo họ là các văn thân, sĩ phu mang ý thức hệ phong kiến cuối cùng đều thất bại, điều đó cho thấy sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trước nhiệm vụ lịch sử của dân tộc.

+ Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp khiến cho xã hội nước ta có sự chuyển biến và phân hóa, giai cấp công nhân, tầng lớp tiểu tư sản và tư sản bắt đầu xuất hiện, tạo ra những tiền đề bên trong cho phong trào yêu nước giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX. Cùng thời điểm lịch sử đó, các “tân thư”, “tân báo” và những ảnh hưởng của trào lưu cải cách ở Nhật Bản, Trung Quốc tràn vào Việt Nam, phong trào yêu nước của nhân dân ta chuyển sang xu hướng dân chủ tư sản. Tiêu biểu như phong trào của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh...nhưng tất cả đều thất bại.

Các phong trào yêu nước thời kỳ này dù dưới ngọn cờ nào cũng thất bại hoặc bị chìm trong bể máu. Cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam khủng hoảng và bế tắc về đường lối cứu nước.

Nguyễn Tất Thành sinh ra trong bối cảnh nước mất nhà tan và lớn lên trong phong trào cứu nước của dân tộc, Người đã sớm tìm ra nguyên nhân thất bại của các phong trào giải phóng dân tộc là: các phong trào giải phóng dân tộc đều không gắn với tiến bộ xã hội. Nguyễn Ái Quốc quyết định ra đi tìm đường cứu nước - con đường đưa Nguyễn Ái Quốc đến với tư tưởng Hồ Chí Minh: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội giải phóng dân tộc phải đi theo con đường mới.

Như vậy, sự xuất hiện tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu, đáp ứng nhu cầu lịch sử của cách mạng Việt Nam.

Bối cảnh thời đại

+ Chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do chuyển sang giai đoạn độc quyền (chủ nghĩa đế quốc) đã xác lập quyền thống trị của chúng trên phạm vi toàn thế giới. Chủ nghĩa đế quốc trở thành kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa.

+ Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi đã lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập chính quyền Xô Viết, mở ra thời đại mới trong lịch sử loài người - thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cuộc cách mạng tháng Mười Nga thành công đã nêu tấm gương sáng về giải phóng các dân tộc bị áp bức, “mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”¹.

+ Tháng 3/1919, Quốc tế Cộng sản ra đời là trung tâm tập hợp lực lượng cách mạng và chỉ đạo cách mạng thế giới. Với sự ra đời của Quốc tế Cộng sản, phong trào công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông càng có quan hệ mật thiết với nhau hơn trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

=> Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành dần dần từ cảm tính đến lý tính nhằm tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Việc xuất hiện tư tưởng Hồ Chí Minh là nhu cầu tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam và do lịch sử của cách mạng Việt Nam quy định.

b. Những tiền đề tư tưởng, lý luận

Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

Lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời đã hình thành nên những giá trị truyền thống đặc sắc và cao quý của dân tộc Việt Nam, trở thành tiền đề tư tưởng lý luận xuất phát hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là:

+ Truyền thống yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước với những giá trị truyền thống phong phú và bền vững. Đó là ý thức về quốc gia, dân tộc, tinh thần tự lực tự cường

+ Tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái

+ Tinh thần lạc quan, yêu đời

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 11, tr. 164

+ Truyền thống cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo trong sản xuất và trong chiến đấu, ham học hỏi và không ngừng mở rộng cửa để đón nhận tinh hoa văn hóa nhân loại.

HỒ Chí Minh đã tiếp thu những giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và nâng những giá trị truyền thống ấy lên một tầm cao mới.

Tinh hoa văn hoá nhân loại

Kết hợp các giá trị truyền thống của văn hóa phương Đông với các thành tựu hiện đại của văn minh phương Tây – đó chính là nét đặc sắc trong quá trình hình thành tư tưởng, nhân cách và văn hóa HỒ Chí Minh.

+ Tư tưởng và văn hoá phương Đông:

* Tư tưởng Nho giáo: HỒ Chí Minh tiếp thu những mặt tích cực của Nho giáo. Đó là các triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời, đó là ước vọng về một xã hội bình trị, hòa mục, hòa đồng, là triết lý nhân sinh; tu thân dưỡng tính; đề cao văn hóa lễ giáo tạo ra truyền thống hiếu học. Người dẫn lời của V.I.Lênin: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những hiểu biết quý báu của đời trước để lại”¹. Bên cạnh việc tiếp thu, Người cũng phê phán, bác bỏ những yếu tố duy tâm, lạc hậu phản động của Nho giáo.

* Tư tưởng Phật giáo: HỒ Chí Minh tiếp thu và chịu ảnh hưởng sâu sắc các tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn; nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm điều thiện; tinh thần dân chủ, bình đẳng chống phân biệt đẳng cấp; đề cao lao động chống lười biếng.

* Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn: Người tiếp thu tư tưởng dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc.

+ Tư tưởng, văn hoá phương Tây:

Cùng với những tư tưởng triết học phương Đông, HỒ Chí Minh còn tiếp thu nền văn hóa dân chủ và cách mạng phương Tây. Đó là:

* Tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của cách mạng tư sản Pháp.

¹ HỒ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 7, tr. 229

* Giá trị về quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của cách mạng tư sản Mỹ.

=> Nói tóm lại, trên hành trình cứu nước, Hồ Chí Minh đã biết tự làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây, vừa tiếp thu, vừa gạn lọc để từ tầm nhìn cao trí thức nhân loại mà chọn lọc, kế thừa, vận dụng và phát triển.

Chủ nghĩa Mác – Lênin

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Việc tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin ở Hồ Chí Minh diễn ra trên nền tảng của những tri thức văn hóa tinh túy được chắt lọc, hấp thụ và một vốn chính trị hiểu biết phong phú, được tích lũy qua hoạt động thực tiễn đấu tranh vì mục tiêu cứu nước giải phóng dân tộc. Bản lĩnh trí tuệ đã nâng cao khả năng tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo ở Người khi vận dụng những nguyên lý cách mạng của thời đại vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Từ những nhận thức ban đầu về chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh đã tiến dần đến nhận thức “lý tính”, trở lại nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin sâu sắc hơn, để tiếp thu có chọn lọc, không rập khuôn, máy móc, không sao chép giáo điều. Người tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin theo phương pháp mácxít, nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất. Người vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam, không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở.

Thế giới quan và phương pháp luận Mác – Lênin đã giúp Hồ Chí Minh tổng kết kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn để tìm ra con đường cứu nước: Trong cuộc đấu tranh vừa nghiên cứu lý luận Mác – Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới. Người khẳng định: “Chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam ngày nay, mà chúng tôi đã chiến đấu và giành được thắng lợi”¹.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 589

Tóm lại: Chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lí luận trực tiếp, quyết định bản chất tư tưởng HỒ Chí Minh.

2. Nhân tố chủ quan

- Khả năng tư duy và trí tuệ HỒ Chí Minh

Những năm tháng hoạt động trong nước và bốn ba khắp thế giới để học tập, nghiên cứu, HỒ Chí Minh đã không ngừng quan sát, nhận xét thực tiễn, làm phong phú thêm sự hiểu biết của mình, đồng thời hình thành những cơ sở quan trọng để tạo dựng nên những thành công trong lĩnh vực hoạt động lí luận của Người về sau.

Các nhà yêu nước tiền bối và cùng thời với HỒ Chí Minh tuy cũng đã có những quan sát, nhưng họ chưa nhận thấy hoặc nhận thức chưa đúng về sự thay đổi của dân tộc và thời đại. Trong quá trình tìm đường cứu nước, HỒ Chí Minh khám phá các quy luật vận động xã hội, đời sống văn hóa và cuộc đấu tranh của các dân tộc trong hoàn cảnh cụ thể để khái quát thành lí luận, đem lí luận chỉ đạo hoạt động thực tiễn và được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Nhờ vào con đường nhận thức chân lý như vậy mà lí luận của HỒ Chí Minh mang giá trị khách quan, cách mạng và khoa học.

- Phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động thực tiễn

HỒ Chí Minh là người có tấm lòng yêu nước thương dân sâu sắc, có lý tưởng hoài bão lớn và bản lĩnh kiên định. Tiếp thu truyền thống yêu nước, nhân ái của gia đình, quê hương, đất nước, Người sớm có lý tưởng, hoài bão lớn là cứu nước, giải phóng dân tộc, đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Hoạt động cách mạng trong điều kiện lúc bấy giờ vô cùng khó khăn, gian khổ, thậm chí có lúc nguy hiểm đến tính mạng nhưng HỒ Chí Minh luôn luôn giữ được một bản lĩnh kiên định, khiêm tốn, giản dị, ham học hỏi, sẵn sàng chịu đựng mọi hy sinh gian khổ và luôn có niềm tin mãnh liệt ở lực lượng to lớn của nhân dân. Suốt đời trung với nước, hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; sẵn sàng chịu đựng hy sinh vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

HỒ Chí Minh có tinh thần ham học hỏi, chiếm lĩnh vốn trí thức phong phú của thời đại, vốn kinh nghiệm đấu tranh của phong trào cách mạng trên thế giới. Trong các nhà hoạt động cách mạng, hiếm có người nào có cuộc sống và hoạt động thực tiễn phong

phú, gắn liền với thời kỳ lịch sử sôi động trên nửa thế kỷ của dân tộc và thời đại như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã đi đến nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc ở khắp các châu lục Á – Phi – Mỹ Latinh để nghiên cứu, xem xét đời sống, nguyện vọng, hoạt động đấu tranh của nhân dân các dân tộc. Đồng thời cũng sống và lao động như một người công nhân thực sự ở nhiều nước tư bản phát triển để xem xét đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của các tầng lớp nhân dân, để nghiên cứu cách thức tổ chức xã hội và quản lý nhà nước ở đó. Hồ Chí Minh cũng đã sống và chứng kiến hai cuộc chiến tranh thế giới với những tổn thất nặng nề, những hy sinh to lớn và hậu quả lâu dài về nhiều mặt của nó... Đi nhiều nơi, làm nhiều công việc, phụ trách nhiều cương vị trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau... Thực tiễn phong phú, sinh động đó đã đem lại cho Hồ Chí Minh vốn sống, vốn kinh nghiệm, vốn hiểu biết phong phú về nhiều mặt.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm tổng hòa của những điều kiện khách quan và chủ quan, của truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Từ thực tiễn dân tộc và thời đại được Hồ Chí Minh tổng kết, chuyển hóa sâu sắc, tinh tế với một phương pháp khoa học, biện chứng, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành tư tưởng Việt Nam hiện đại.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

Đây là thời kỳ Hồ Chí Minh sinh ra, lớn lên và trải nghiệm nỗi đau của người dân mất nước, tiếp thu sự giáo dục của gia đình, quê hương, dân tộc về lòng yêu nước, thương dân

Thời kỳ này Người cũng đã bước đầu tham gia vào một số hình thức đấu tranh yêu nước, ủng hộ dân tộc, được biểu hiện với những hành động cụ thể:

- + Tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908)
- + Làm thầy giáo ở trường Dục Thanh (Phan Thiết) để tuyên truyền cách mạng.
- + Nhận xét, phê phán con đường cứu nước của các bậc tiền bối.
- + Quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước.

Bước đầu tiếp xúc với văn hóa Phương Tây: khi mới 13 tuổi Người đã hoài nghi về tự do, bình đẳng, bác ái của người Pháp...

=> Có thể nói, đây là thời kỳ rất quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh vì đây là thời kỳ Người đã hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân tha thiết, bảo vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc, ham học hỏi những tư tưởng tiến bộ của nhân loại và nó là nền tảng vững chắc để Hồ Chí Minh tiếp nhận những yếu tố tích cực của văn hóa nhân loại đặc biệt là quá trình Người đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc

Ngày 5/6/1911: HỒ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

Trong hành trình đó, HỒ Chí Minh đã đi đến nhiều nơi và làm nhiều việc để thực hiện hoài bão của mình, thể hiện ở một số hoạt động chủ yếu sau:

+ Tham gia vào hội những người Việt Nam yêu nước, vào Đảng xã hội Pháp. Ngày 18/6/1919: Gửi bản Yêu sách 8 điểm đến hội nghị Vécxây.

+ Tháng 7/1920 Người đến với Sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin và đã quyết tâm lựa chọn con đường cách mạng vô sản cho cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: *“Luận cương của V. I Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”*¹.

+ Tháng 12/1920 Người tham dự Đại hội Tua tán thành thành lập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

=> Đây là thời kỳ đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời và tư tưởng của HỒ Chí Minh, từ chủ nghĩa yêu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, từ một chiến sĩ chống thực dân phát triển thành chiến sĩ cộng sản. Có thể nói đây là giai đoạn mang tính

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 584

quyết định đánh dấu mốc cho quá trình hình thành và xác lập tư tưởng HỒ Chí Minh kể từ khi Người nhận thức đúng đắn về con đường giải phóng dân tộc – con đường cách mạng vô sản.

3. Thời kỳ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

Trong giai đoạn từ năm 1921 đến năm 1930, Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động thực tiễn và hoạt động lý luận hết sức sôi nổi trên địa bàn nước Pháp (1921 – 1923), Liên Xô (1923 -1924), Trung Quốc (1924 – 1927), Thái Lan (1928 – 1929). Với việc hội nghị thành lập Đảng (2/1930) thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã khẳng định sự xác lập tư tưởng HỒ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kì khủng hoảng của cách mạng Việt Nam về đường lối, về phương thức tiến hành và giai cấp lãnh đạo để thực hiện sứ mệnh lịch sử giải phóng dân tộc. Trong khoảng thời gian này, tư tưởng HỒ Chí Minh về cách mạng Việt Nam đã hình thành về cơ bản.

Các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc như: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường cách mệnh* (1927), *Cương lĩnh đầu tiên của Đảng* (*Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt*) (1930) và nhiều bài viết khác của Người trong giai đoạn này là sự tiếp tục và phát triển tư tưởng cách mạng về giải phóng dân tộc. Những tác phẩm lý luận nói trên chứa đựng những nội dung cơ bản sau:

+ Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

+ Cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có quan hệ mật thiết với nhau.

+ Cách mạng thuộc địa trước hết là một cuộc “dân tộc cách mệnh”, đánh đuổi đế quốc xâm lược giành lại độc lập, tự do.

+ Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, giải phóng dân tộc là việc chung của cả dân chúng, phải tập hợp lực lượng dân tộc thành một sức mạnh rộng lớn để chống đế quốc, tay sai.

+ Phải đoàn kết và liên minh với các lực lượng cách mạng quốc tế đồng thời nêu cao tinh thần tự lực, tự cường.

+ Cách mạng muốn thành công trước hết phải có Đảng cách mạng lãnh đạo.

=> Đây là thời kỳ khẳng định sự phát triển về chất của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đến năm 1930, tư tưởng của Người về con đường cách mạng Việt Nam cơ bản được hình thành. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh trong những năm 20 của thế kỷ XX được truyền bá vào Việt Nam làm cho phong trào dân tộc và giai cấp ở nước ta trở thành phong trào tự giác dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng

- Do bị ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng đấu tranh giai cấp của Quốc tế Cộng sản nên tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc không được áp dụng vào Việt Nam thậm chí còn bị phê phán quyết liệt.

- Đến 1939 khi chiến tranh thế giới bùng nổ, mâu thuẫn dân tộc trở lên gay gắt. Những luận điểm cách mạng của Người dần dần được vận dụng trở lại vào cách mạng Việt Nam. Sự vận dụng được thể hiện bước đầu ở Hội nghị Trung Ương 6 (11/1939).

- Từ tháng 5/1941 đến năm 1945: đường lối cách mạng Việt Nam trở lại theo tư tưởng của Hồ Chí Minh. Chính vì vậy đã tạo lên sức mạnh toàn dân tộc thực hiện thắng lợi cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng Tháng Tám (1945). Đánh dấu kết thúc cuộc thử nghiệm lịch sử đầy gay gắt và khẳng định hoàn toàn sự đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

=> Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945, với sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thắng lợi của chủ nghĩa Mác – Lênin được vận dụng, phát triển đúng với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam, là sự thắng lợi của tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh.

5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

Sau năm 1945 tư tưởng Hồ Chí Minh từng bước được phát triển, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình cách mạng Việt Nam.

+ Thời kì 1945 - 1946: Tư tưởng Hồ Chí Minh được cụ thể hoá và phát triển thông qua chủ trương "kháng chiến, kiến quốc".

+ Từ 1946 - 1954: tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện thông qua cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh.

+ Từ 1954 - 1969: tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện thông qua việc tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền để thực hiện một mục tiêu chung giành độc lập cho dân tộc và thống nhất nước nhà.

Trong hoàn cảnh mới, tư tưởng Hồ Chí Minh có bước phát triển mới trong đó nổi bật là các nội dung lớn sau:

+ Tư tưởng kết hợp kháng chiến với kiến quốc.

+ Tư tưởng chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

+ Xây dựng Đảng Cộng sản với tư cách là Đảng cầm quyền.

Trước khi qua đời (1969) Hồ Chí Minh đã để lại bản Di chúc, kết tinh trong đó cả tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tấm lòng gắn bó tha thiết với toàn Đảng, toàn dân của Người.

Như vậy, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là quá trình hình thành và phát triển tư duy lý luận về cách mạng Việt Nam, vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết những vấn đề thực tiễn Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh là linh hồn, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

a. Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của thời đại, nó trường tồn vĩnh cửu, bất diệt, là tài sản vô giá của dân tộc ta. Nó kế thừa những giá trị của tinh hoa nhân loại trong đó

chủ yếu là chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự phát triển sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng nó vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

b. Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng và nhân dân ta trên con đường thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, đạo đức và văn minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn cờ dẫn dắt cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Trong bối cảnh hiện nay, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp chúng ta nhận thức đúng những vấn đề lớn, liên quan đến việc bảo vệ nền độc lập dân tộc, phát triển xã hội và bảo vệ quyền con người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng để Đảng vạch đường lối cách mạng đúng đắn, là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đi đến thắng lợi.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

a. Phản ánh khát vọng thời đại

Với những cống hiến xuất sắc về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng về vai trò của độc lập dân tộc trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội, về tính tự thân vận động trong công cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa, Hồ Chí Minh đã hình thành một hệ thống các luận điểm chính xác, đúng đắn về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc góp phần làm phong phú thêm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

b. Tìm các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người

- Hồ Chí Minh đã xác định con đường đi và phương pháp đúng đắn cho cách mạng Việt Nam.

- Người đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa.

- Nhận thức đúng đắn sự biến chuyển, nắm bắt được xu thế của thời đại.

c. Cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì mục tiêu cao cả

Tư tưởng HỒ Chí Minh soi đường cho cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, cổ vũ các dân tộc thuộc địa châu Á, châu Phi đứng dậy đấu tranh giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột của đế quốc phong kiến, đấu tranh cho độc lập, tự do.

C. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Trình bày cơ sở hình thành tư tưởng HỒ Chí Minh?
2. Tại sao nói tư tưởng HỒ Chí Minh là sự kết hợp biện chứng giữa trí tuệ lớn HỒ Chí Minh, trí tuệ dân tộc và trí tuệ thời đại?
3. Trình bày quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh?
4. Trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh thời kỳ nào có ý nghĩa vạch đường đi cho sự phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh? Tại sao?
5. Phân tích giá trị tư tưởng HỒ Chí Minh?

CHƯƠNG II

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Bài giảng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. Từ đó, rút ra tính sáng tạo, đặc sắc trong tư tưởng của Người về vấn đề này.

2. Yêu cầu

Sinh viên cần hiểu được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam.

B. NỘI DUNG

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

a. Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa

- Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc

Hồ Chí Minh không bàn về vấn đề dân tộc nói chung. Xuất phát từ nhu cầu khách quan của dân tộc Việt Nam, đặc điểm của thời đại, Người dành sự quan tâm đến các thuộc địa, vạch ra thực chất của vấn đề dân tộc ở thuộc địa là vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xóa bỏ ách thống trị, áp bức bóc lột, giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập Nhà nước dân tộc độc lập.

Hồ Chí Minh viết nhiều tác phẩm như: Tâm địa thực dân, Bình đẳng, Vực thăm thuộc địa, Công cuộc khai hóa giết người...tổ cáo chủ nghĩa thực dân, vạch trần cái gọi là “khai hóa văn minh của chúng”. Người chỉ rõ sự đối kháng giữa các dân tộc bị áp bức

với chủ nghĩa đế quốc thực dân là mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa, đó là mâu thuẫn không thể điều hòa được.

Nếu như C.Mác bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, V.I.Lênin bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thì HỒ Chí Minh tập trung bàn về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. C. Mác và V.I.Lênin bàn nhiều về đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản chủ nghĩa, thì HỒ Chí Minh lại bàn nhiều về đấu tranh giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

- Lựa chọn con đường phát triển của dân tộc

Để giải phóng dân tộc cần xác định một con đường phát triển của dân tộc, vì phương hướng phát triển dân tộc quy định yêu cầu và nội dung trước mắt cuộc đấu tranh giành độc lập. Mỗi phương hướng phát triển gắn liền với một hệ tư tưởng và một giai cấp nhất định.

Từ thực tiễn phong trào cứu nước của ông cha và lịch sử nhân loại, HỒ Chí Minh khẳng định phương hướng phát triển của dân tộc trong bối cảnh thời đại mới là chủ nghĩa xã hội. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹. Con đường đó kết hợp cả nội dung dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; xét về thực chất chính là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Con đường đó phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở thuộc địa. Đó là nét độc đáo, khác biệt với con đường phát triển của các dân tộc đã phát triển lên chủ nghĩa tư bản ở phương Tây.

b. Độc lập, tự do - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa

- Cách tiếp cận từ quyền con người

HỒ Chí Minh hết sức coi trọng quyền con người. Người đã tìm hiểu và tiếp nhận những nhân tố về quyền con người được nêu lên trong *Tuyên ngôn độc lập* 1776 của nước Mỹ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* 1791 của nước Pháp như quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Đó là lẽ phải không ai có thể chối cãi được.

¹ HỒ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 3, tr.1

Điểm đặc sắc trong tư tưởng HỒ Chí Minh thể hiện ở chỗ từ quyền con người, Người đã khái quát và nâng cao thành quyền dân tộc: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"¹.

- *Nội dung của độc lập dân tộc*

+ Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của dân tộc thuộc địa, là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc. Đây là tư tưởng cốt lõi, nhất quán nhất trong tư tưởng HỒ Chí Minh.

Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Vécxây bản yêu sách 8 điểm đòi quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam

Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, có tư tưởng cốt lõi là độc lập, tự do cho dân tộc.

Tháng 5 – 1941, HỒ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy”². Người chỉ đạo thành lập Việt Nam độc lập đồng minh, ra báo Việt Nam độc lập, thảo Mười chính sách của Việt Minh trong đó mục tiêu đầu tiên là: “Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền”³. Tháng 8 – 1945, HỒ Chí Minh đúc kết ý chí đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân ta trong câu nói bất hủ: Dù phải hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng quyết giành cho được độc lập.

Cách mạng tháng Tám thành công, Người thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn độc lập, long trọng khẳng định trước toàn thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”⁴.

¹ HỒ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 17

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 7, tr.113

³ HỒ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 243

⁴ HỒ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 3

+ Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là một nền độc lập thực sự, hoàn toàn gắn với hòa bình, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước vào thời gian sau Cách mạng tháng Tám, Hồ Chí Minh trịnh trọng tuyên bố: “Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và độc lập cho đất nước”¹.

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi vang dội núi sông: Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Khi đế quốc Mỹ điên cuồng mở rộng chiến tranh với mức độ và cường độ ngày càng ác liệt, Hồ Chí Minh nêu cao chân lý lớn nhất của thời đại: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”².

+ Độc lập dân tộc phải đem lại cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho mọi người dân.

Độc lập, tự do là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, một tư tưởng lớn trong thời đại giải phóng dân tộc. Vì vậy, Hồ Chí Minh không chỉ là Anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam mà còn là “Người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX”.

c. Chủ nghĩa yêu nước chân chính – Một động lực lớn của đất nước

Theo Hồ Chí Minh chủ nghĩa dân tộc mà cốt lõi là chủ nghĩa yêu nước giúp các dân tộc thuộc địa vượt qua khó khăn, thử thách, đánh bại chủ nghĩa thực dân, giành độc lập. Người khẳng định: *người ta sẽ không làm được gì cho người An Nam nếu không dựa trên hành động vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ.*

Chủ nghĩa dân tộc chân chính “là một bộ phận của tinh thần quốc tế”, khác xa so với tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 522

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 1

Xuất phát từ sự phân tích quan hệ giai cấp trong xã hội thuộc địa, từ truyền thống dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc mà những người cộng sản phải nắm lấy và phát huy.

2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp

a. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau

Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, nhưng Người luôn đứng trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc.

Sự kết hợp nhuần nhuyễn vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh được thể hiện: Khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản trong quá trình cách mạng Việt Nam; chủ trương đại đoàn kết dân tộc rộng rãi trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng; sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù; thiết lập chính quyền Nhà nước của dân, do dân, vì dân; gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

b. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Năm 1920, ngay khi quyết định phương hướng giải phóng và phát triển dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, ở Hồ Chí Minh có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Năm 1960, Người nói: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”¹.

Độc lập dân tộc là mục tiêu trước mắt, là tiền đề để tiến lên thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu, là điều kiện vững chắc để bảo vệ và củng cố nền độc lập dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 563

giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

c. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp

Hồ Chí Minh đứng trên quan điểm giai cấp để giải quyết vấn đề dân tộc nhưng vấn đề giai cấp được đặt ra trong vấn đề dân tộc. Giải phóng dân tộc là tiền đề, là điều kiện để giải phóng giai cấp, lợi ích của giai cấp phải phục tùng lợi ích dân tộc.

Tháng 5 - 1941, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng khẳng định: “*Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được*”¹.

d. Giữ vững độc lập của dân tộc mình, đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác

Là một chiến sĩ quốc tế chân chính, Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc Việt Nam, mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức.

Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết của mỗi dân tộc, nhưng Hồ Chí Minh không quên thực hiện nghĩa vụ quốc tế trong việc ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Người hết sức ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Lào và Campuchia.

=> Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

Bằng phương pháp lịch sử cụ thể, bám sát thực tiễn xã hội thuộc địa, Hồ Chí Minh nhận thấy sự phân hóa của xã hội thuộc địa phương Đông không giống như các nước

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 7, tr.113

phương Tây. Các giai cấp ở thuộc địa có sự khác nhau ít nhiều nhưng đều chung một số phận mất nước, giữa họ vẫn có sự tương đồng lớn, dù địa chủ hay nông dân, họ đều chịu chung số phận là người nô lệ mất nước.

Nếu như ở các nước phương Tây mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, thì ở xã hội thuộc địa phương Đông mâu thuẫn nổi lên chủ yếu và cơ bản là *mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân*. Do vậy, cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra không giống như ở phương Tây.

Đối tượng của cách mạng ở thuộc địa không phải là giai cấp tư sản bản xứ, càng không phải là giai cấp địa chủ nói chung, mà là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động.

Yêu cầu bức thiết của nhân dân các nước thuộc địa là độc lập dân tộc.

Trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có quan điểm cho rằng: Vấn đề cơ bản của cách mạng thuộc địa là chủ trương nhấn mạnh vấn đề ruộng đất và đấu tranh giai cấp. Nhưng ở các nước thuộc địa, nông dân là lực lượng đông đảo, thực dân Pháp bóc lột nhân dân Việt Nam thì chủ yếu là bóc lột nông dân, người nông dân “một cổ hai tròng” áp bức. Vì thế kẻ thù số một của nông dân là bọn đế quốc thực dân. Nông dân có hai yêu cầu: độc lập dân tộc và ruộng đất, nhưng họ luôn đặt yêu cầu độc lập dân tộc lên cao hơn so với yêu cầu ruộng đất. Cùng với nông dân, tất cả giai cấp tầng lớp khác trong xã hội đều có nguyện vọng chung là độc lập dân tộc. Do đó, việc cứu nước là việc chung của cả dân tộc bị áp bức.

Mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa là mâu thuẫn dân tộc, quy định *tính chất và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa* là giải phóng dân tộc.

Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc nhằm đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc, thiết lập chính quyền của nhân dân.

Trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng do Hồ Chí Minh soạn thảo đã xác định: Đánh đổ bọn đế quốc Pháp; bọn phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam được độc lập. Tại Hội nghị lần thứ Tám của Ban chấp hành Trung Ương Đảng (5/1941) do Hồ Chí Minh chủ trì đã kiên quyết giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, nhấn mạnh đó là “*nhiệm vụ bức thiết nhất*”. Sau khi giành độc lập

thì dựng lên chính phủ công nông binh; tổ chức ra quân đội công nông, lập ra nhà nước của dân, do dân và vì dân, giành chính quyền về tay nhân dân. HỒ Chí Minh khẳng định: “Chúng ta đã hi sinh làm cách mệnh chúng ta phải làm cách mạng đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh thành công chính quyền giao tay số đông người chớ để trong tay một số kẻ ít người”¹.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

Để giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, ông cha ta đã sử dụng nhiều con đường gắn với những khuynh hướng chính trị khác nhau, sử dụng những vũ khí tư tưởng khác nhau.

- *HỒ Chí Minh rút bài học từ sự thất bại của các con đường cứu nước trước đó*

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp xâm lược nước ta đã thi hành chính sách áp bức, bóc lột dã man. Từ đó các phong trào yêu nước đấu tranh chống thực dân Pháp phát triển mạnh mẽ, lan rộng khắp cả nước theo nhiều khuynh hướng khác nhau như *phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến* tiêu biểu phong trào Cần Vương, cuộc khởi nghĩa Yên Thế..., *phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng dân chủ tư sản* như: phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, phong trào của Phan Chu Trinh... Tuy nhiên, tất cả đều bị thất bại. Nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và dân chủ tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở Việt Nam là do thiếu một đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn, khoa học trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc đã thành một hệ thống thế giới. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng và bế tắc về đường lối.

HỒ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong bối cảnh đất nước bị biến thành thuộc địa, nhân dân chịu cảnh lầm than, được chứng kiến các phong trào cứu nước của cha ông. Người nhận thấy: Con đường cầu viện Nhật Bản của Phan Bội Châu chẳng khác gì “*đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau*”; con đường cải lương của Phan Chu Trinh chẳng khác gì “*cầu xin giặc rủ lòng thương*”; con đường của Hoàng Hoa Thám tuy có

¹ HỒ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 563

phần thực tế là trực tiếp đấu tranh chống Pháp nhưng vẫn còn “*mang nặng cốt cách phong kiến*”.

=> Chính vì vậy, mặc dù rất khâm phục tinh thần cứu nước của ông cha ta, nhưng Hồ Chí Minh không tán thành những con đường của họ mà quyết định ra đi tìm con đường cứu nước mới để giải phóng dân tộc.

- *Hồ Chí Minh nhận thấy cách mạng tư sản là không triệt để, là cách mạng “chưa đến nơi”*

Trong khoảng mười năm từ 1911 đến 1920, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu khảo sát ba cuộc cách mạng lớn trên thế giới: cách mạng tư sản Anh, cách mạng tư sản Mỹ, cách mạng tư sản Pháp, tiếp xúc với bản "Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền" 1791 của cách mạng Pháp, với bản "Tuyên ngôn độc lập" của Mỹ 1776". Hồ Chí Minh đi đến kết luận ngay cả cách mạng Pháp, Mỹ đã thiết lập nền cộng hòa, dân chủ nhưng trong nước thì bóc lột công nông, bên ngoài thì áp bức thuộc địa. Do đó Hồ Chí Minh không lựa chọn con đường đó cho cách mạng Việt Nam.

- *Sự thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga (1917)*

Hồ Chí Minh nhận thấy cách mạng tháng Mười Nga(1917) không chỉ là một cuộc cách mạng vô sản, mà còn là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nó nêu gương sáng về sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa và mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc.

Vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các vị lãnh tụ tiền bối đương thời, Hồ Chí Minh đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin và lựa chọn khuynh hướng chính trị vô sản. Người khẳng định: Muốn cứu nước giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.

3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng Sản lãnh đạo

Các nhà yêu nước tiền bối cũng đã bước đầu nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của chính Đảng cách mạng nhưng đều chưa thành công vì các Đảng đó thiếu một đường lối chính trị đúng đắn, một đường lối tổ chức chặt chẽ, và không có cơ sở chặt chẽ trong quần chúng.

Ngay từ sớm HỒ Chí Minh đã chỉ rõ, làm cách mệnh: “trước phải làm cho dân giác ngộ, phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu... Vậy nên sức mạnh cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có Đảng cách mệnh”.

Trong tác phẩm Đường cách mệnh (1927), Người khẳng định: “*Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam*”¹.

Đầu năm 1930, Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, một chính Đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm cốt, có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh và mật thiết liên lạc với quần chúng.

Theo HỒ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam.

Khi khẳng định Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, HỒ Chí Minh đã nêu lên một luận điểm quan trọng, bổ sung thêm cho lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Đảng Cộng sản, định hướng cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng có sự gắn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân, với nhân dân lao động và cả dân tộc trong mọi thời kỳ của cách mạng Việt Nam.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng do HỒ Chí Minh sáng lập đã quy tụ được lực lượng và sức mạnh của toàn bộ giai cấp công nhân và của toàn thể dân tộc Việt Nam. Nhờ đó, Đảng đã nắm ngọn cờ lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam và trở thành nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

Năm 1924, HỒ Chí Minh đã nghĩ đến một cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân. Người cho rằng: để một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương có cơ thắng lợi, cuộc khởi nghĩa này phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc

¹ HỒ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 289

nổi loạn. Nó phải được chuẩn bị trong quần chúng. Người phê phán việc lấy ám sát cá nhân làm phương thức hành động. Những hành động đó sẽ dẫn đến thất bại bởi nó không có cơ sở trong quần chúng nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh: *Cách mạng là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người*. Chủ trương tập hợp lực lượng toàn dân tham gia cách mạng, được Hồ Chí Minh phản ánh trong tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người. Đây là tư tưởng có ý nghĩa chiến lược nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh đánh giá cao sức mạnh của quần chúng nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang. Người coi đây là một sức mạnh vĩ đại, vô tận, là điều kiện then chốt đảm bảo thắng lợi. Bởi “Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi”, “phải dựa vào dân, dựa chắc vào đây thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được”.

Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, từ một xã hội phong kiến thuần túy Việt Nam biến thành xã hội thuộc địa với những tàn tích phong kiến nặng nề. Mặc dù thực dân Pháp còn duy trì một phần quan hệ kinh tế và giai cấp địa chủ phong kiến song khi đã thành một chế độ thuộc địa thì tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội và giai cấp ở Việt Nam đều bị đặt trong quỹ đạo chuyển động của xã hội đó. Ngoài giai cấp công nhân và nông dân, giai cấp tư sản dân tộc và một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ mặc dù có hạn chế trong quan hệ với quần chúng lao động, nhưng trong quan hệ với thực dân Pháp thì họ cũng là những người Việt Nam chịu nỗi nhục mất nước. Đó không phải là giai cấp thống trị mà trái lại, họ là những giai cấp bị trị và có khả năng tham gia phong trào giải phóng dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh, lực lượng của các mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc, trừ thực dân, tay sai phản động bán nước. Người phân tích: “dân tộc cách mệnh thì chưa phân biệt giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công thương đều nhất trí chống lại cường quyền”¹.

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Hồ Chí Minh đã xác định lực lượng cách mạng bao gồm cả dân tộc: “Đảng phải tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân,

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 266

nông dân và phải dựa chắc vào hạng dân cày nghèo; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông...đi vào phe vô sản giai cấp; đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến...) thì phải đánh đổ”¹.

Trong lực lượng toàn dân tộc, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò động lực cách mạng của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Người phân tích: Giai cấp công nhân và nông dân có số lượng đông nhất. Họ bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất, nên “lòng cách mạng càng bền, chí cách mạng càng quyết”. Công nông tay không rời, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc.

Từ đó, Người khẳng định công nông là “động lực”, là “nòng cốt”, là “chủ” là “gốc” cách mạng. Đây là vấn đề hết sức mới mẻ so với nhận thức của các nhà yêu nước trước đó.

Trong khi hết sức nhấn mạnh vai trò của công - nông. Hồ Chí Minh không coi nhẹ khả năng tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc của các giai tầng khác trong xã hội. Người coi tiểu tư sản, tư sản dân tộc và một bộ phận giai cấp địa chủ là bạn đồng minh của cách mạng. Bởi: “...học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công - nông, ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mạng của công nông mà thôi”².

5. Cánh mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa), nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa. Các nước thuộc địa là một trong những nguồn sống của chủ nghĩa đế quốc.

Theo Hồ Chí Minh, tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đây là nơi cung cấp nguyên nhiên liệu cho các nhà máy của nó, là nơi đầu tư,

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 3, tr. 3

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 266

tiêu thụ hàng, cung cấp nguồn nhân công rẻ mạt bổ sung cho đội quân lao động của chúng.... Nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa.

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cách mạng thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt. Nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Ở đây có nhân dân lao động đông, có tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh cao. Với sự giúp đỡ của Quốc tế cộng sản và các dân tộc trên thế giới thì dân tộc thuộc địa được xem là khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc.

Trong khi yêu cầu Quốc tế Cộng sản và các Đảng Cộng sản quan tâm đến cách mạng thuộc địa, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định công cuộc giải phóng nhân dân các nước thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự giải phóng.

Trong phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Quan điểm này, vô hình chung đã làm giảm tính chủ động, sáng tạo của phong trào cách mạng ở thuộc địa.

Theo Hồ Chí Minh, giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản ở chính quốc có quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải là quan hệ lệ thuộc, quan hệ chính – phụ.

Đánh giá đúng vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa và sức mạnh dân tộc, Hồ Chí Minh cho rằng: cách mạng giải phóng dân tộc có thể nổ ra và giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận thực tiễn và lý luận to lớn; một cống hiến quan trọng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh. Luận điểm này đã được thắng lợi của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên toàn thế giới trong gần một thế kỷ qua chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

Các thế lực đế quốc sử dụng bạo lực để xâm lược và thống trị thuộc địa, đàn áp dã man các phong trào yêu nước. “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”¹. Chính vì vậy, con đường để giành và giữ độc lập dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực.

Đánh giá đúng bản chất cực kì phản động của bọn đế quốc và tay sai, Hồ Chí Minh vạch rõ tính tất yếu của bạo lực cách mạng. “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”².

Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Hồ Chí Minh cho rằng bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng.

Hình thức của bạo lực cách mạng bao gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, nhưng tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng khác hẳn tư tưởng hiếu chiến của các thế lực đế quốc xâm lược. Xuất phát từ tình yêu thương con người, quý trọng sinh mạng con người, Hồ Chí Minh luôn tranh thủ mọi khả năng giành và giữ chính quyền ít đổ máu. Người tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hoà bình, chủ động đàm phán, thương lượng, chấp nhận nhượng bộ có nguyên tắc.

Việc tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bắt buộc cuối cùng. Chỉ khi không còn khả năng hòa hoãn, khi kẻ thù ngoan cố bám giữ lập trường thực dân, chỉ muốn giành thắng lợi về mặt quân sự thì Hồ Chí Minh mới kiên quyết phát động chiến tranh.

Tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo hoà bình thống nhất biện chứng với nhau. Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, đánh giặc không phải là tiêu diệt hết lực lượng mà chủ yếu là đánh bại ý chí xâm lược của chúng, kết hợp giành thắng lợi về

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 114

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 15, tr. 391

quân sự với giải pháp ngoại giao để kết thúc chiến tranh. Đây là một sáng tạo của Hồ Chí Minh, thể hiện chủ nghĩa nhân văn cao cả của Người.

Theo Hồ Chí Minh, trong sự nghiệp kháng chiến kiến quốc, lực lượng chính là ở dân. Người chủ trương tiến hành khởi nghĩa toàn dân, chiến tranh nhân dân. Người khẳng định: “Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng lợi được”. Toàn dân nổi dậy, toàn dân khởi nghĩa là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thái bạo lực cách mạng.

Trong chiến tranh, “quân sự là việc chủ chốt”, nhưng đồng thời kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao.

Tự lực cánh sinh cũng là một phương châm chiến lược quan trọng nhằm phát huy cao độ sức mạnh chủ quan, tranh tư tưởng bị động, trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài. Độc lập tự chủ, tự lực tự cường kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế là quan điểm nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại nhằm tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam.

Kết luận

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc:*

Hồ Chí Minh đã thực sự làm phong phú học thuyết Mác - Lênin về cách mạng thuộc địa và soi đường cho cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

+ Nhận diện chính xác thực chất vấn đề dân tộc thuộc địa

+ Tìm đúng con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa

+ Tính sáng tạo trong quan điểm về tính chủ động sáng tạo và khả năng giành thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc.

- *Ý nghĩa của việc học tập:*

+ Thấy rõ được vai trò to lớn của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

+ Nhận thức đúng sức mạnh của dân tộc, củng cố niềm tự hào, tự tôn dân tộc, từ đó có những đóng góp thiết thực, hiệu quả trong xây dựng, phát triển dân tộc giàu mạnh, phồn vinh.

C. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc thuộc địa?
2. Phân tích tính sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp?
3. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc?
4. Nêu những sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc?

Chương III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bài giảng nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về:

- Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với tính tất yếu, những đặc trưng bản chất và mục tiêu, động lực của Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Con đường, biện pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong đó nêu lên đặc điểm, nhiệm vụ và những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi và biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2. Yêu cầu

Sinh viên cần nắm được kiến thức căn bản về tính tất yếu, những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

B. NỘI DUNG LÝ THUYẾT

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin về sự phát triển tất yếu của xã hội loài người theo Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội. Chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu sau khi giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản. Con đường phát triển đó của dân tộc Việt Nam là tất yếu, duy nhất đúng và phù hợp với xu thế tất yếu của thời đại.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm giải phóng con người một cách triệt để. Lấy con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội, theo Hồ Chí Minh đó chính là việc phát triển xã hội theo hướng nhân văn, giải phóng hoàn toàn con người, làm cho con người được hưởng hạnh phúc, tự do, nhằm đáp ứng mọi khát vọng của con người, tạo điều kiện cho con người ngày càng phát triển toàn diện, hài hoà, như một chủ thể xã hội - chủ thể làm chủ vận mệnh, tương lai của chính mình. Hồ Chí Minh đã lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo cách mạng vô sản, lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bởi chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng triệt để con người nhất.

2. Quan niệm Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội theo quan điểm Mác – Lênin, từ lập trường của một người yêu nước đi tìm con đường giải phóng dân tộc để xây dựng một xã hội mới tốt đẹp. Dựa trên quan điểm về chủ nghĩa xã hội của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, đồng thời có sự bổ sung mới trong cách tiếp cận theo cách riêng của Người:

- Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của các nhà kinh điển Mác – Lênin trước hết là từ yêu cầu tất yếu của công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam: Khát vọng của nhân dân Việt Nam là được giải phóng, giải phóng dân tộc và giải phóng con người. Đó cũng là mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản theo đúng bản chất của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức, hướng tới những giá trị nhân đạo, nhân văn, mácxít dựa trên phương châm: Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

- Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện văn hóa: Văn hóa trong chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có quan hệ biện chứng với chính trị và kinh tế. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng là quá trình xây dựng một nền văn hóa mà trong đó là sự kết tinh những giá trị truyền thống và hiện đại, giữa tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại.

Như vậy, quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là sự thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội với các nhân tố nhân văn, đạo đức, văn hoá.

b. Đặc trưng bản chất tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Là một chế độ chính trị do nhân dân làm chủ

Chủ nghĩa xã hội có chế độ chính trị dân chủ, nhà nước do “dân là chủ” và “dân làm chủ”, mọi quyền lực trong xã hội và trong nhà nước đều thuộc về nhân dân, nhân dân có vị trí tối thượng trong mọi cấu tạo quyền lực. Chủ nghĩa xã hội chính là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân.

- Là một chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học – kỹ thuật.

Dựa trên nền tảng là những thành tựu của nhân loại về khoa học – kỹ thuật, chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển với năng suất lao động cao và sức sản xuất phát triển.

- Là chế độ xã hội không còn người bóc lột người

Trên cơ sở chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và nguyên tắc phân phối theo lao động, chủ nghĩa xã hội là một chế độ công bằng, bình đẳng, không còn áp bức, bất công và sự bóc lột trong xã hội.

- Là một xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức

Sự công bằng, bình đẳng giữa con người với con người đã tạo nên một chế độ xã hội tốt đẹp với hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, không còn áp bức, không còn sự đối

lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng và phát triển với nguồn lực vốn có của mình.

Tóm lại: Quan niệm của Hồ Chí Minh là một quan niệm khoa học, hoàn chỉnh, hệ thống, dựa trên học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời bổ sung thêm một số đặc trưng khác phản ánh truyền thống, đặc điểm Việt Nam. Quan niệm này vừa thể hiện được sự kế thừa các di sản quá khứ vừa được sáng tạo mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, đạo đức và văn minh, một chế độ xã hội ưu việt nhất trong lịch sử, một xã hội tự do và nhân đạo, phản ánh khát vọng tha thiết của loài người. Vì vậy, để giữ vững được độc lập, tự do, để đảm bảo cho nhân dân một cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc, chúng ta không có con đường nào khác là tiến lên chủ nghĩa xã hội.

3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Mục tiêu

Hồ Chí Minh ý thức rõ vai trò quan trọng của chủ nghĩa xã hội về mặt lý luận, nhưng vấn đề quan trọng hơn là tìm ra con đường để thực hiện những giá trị này. Điểm then chốt, có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng của Hồ Chí Minh chính là đề ra các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mỗi giai đoạn cách mạng ở nước ta.

- *Mục tiêu tổng quát:* “Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹, nâng cao đời sống cho nhân dân là mục tiêu cao nhất của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Với Hồ Chí Minh, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội và mục tiêu phấn đấu của Người là một. Đó là độc lập, tự do cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân, làm cho dân ai cũng có cơm ăn, áo mặc và ai cũng được học hành.

- *Những mục tiêu cụ thể:*

¹ Hồ Chí Minh toàn tập: t12, tr.512

+ Về chính trị: xây dựng chế độ chính trị do nhân dân làm chủ. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước thực hiện hai chức năng: dân chủ với nhân dân và chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Hai chức năng đó không tách rời nhau mà luôn luôn đi đôi với nhau. Nghĩa là một mặt Nhà nước phải phát huy quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của nhân dân, mặt khác phải chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Về kinh tế: Xây dựng và phát triển nền kinh tế toàn diện với công - nông nghiệp hiện đại, học kỹ thuật tiên tiến, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được bỏ dần, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta cần phát triển toàn diện các ngành trong đó chủ yếu nhất là công, nông và thương nghiệp.

Thực hiện việc kết hợp các loại lợi ích kinh tế là vấn đề được Hồ Chí Minh quan tâm trong việc xây dựng và phát triển kinh tế.

+ Về văn hóa - xã hội: Văn hóa là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Văn hóa thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội. Chủ nghĩa xã hội gắn liền với văn hóa và là giai đoạn phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản về mặt giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bóc lột. Xóa nạn mù chữ, phát triển giáo dục để nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân, phát triển văn hóa nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, thực hành vệ sinh phòng bệnh, giải trí lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan, khắc phục phong tục tập quán lạc hậu.

Đào tạo con người là nhiệm vụ được Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu bởi lẽ mục tiêu cao nhất, động lực quyết định nhất công cuộc xây dựng chính là con người. Để xây dựng con người xã hội chủ nghĩa trước hết phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở mỗi con người là kết quả của việc học tập, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Con người xã hội chủ nghĩa là con người phát triển một cách toàn diện với các yếu tố “đức” và “tài”, “hồng” và “chuyên”.

b. Động lực

- Việc phát hiện và thực hiện những động lực là điều kiện rất cần thiết để thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là những động lực bên trong, nguồn nội lực của chủ nghĩa xã hội. Những động lực đó biểu hiện ở các phương diện: vật chất và tinh thần, nội sinh và ngoại sinh. Người khẳng định, động lực quan trọng nhất và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động, nòng cốt là công – nông – trí thức.

Để phát huy nguồn lực con người một cách tối ưu với tư cách là sức mạnh tập thể và cá nhân người lao động theo Hồ Chí Minh cần quan tâm đến lợi ích chính đáng của họ, chăm lo bồi dưỡng sức dân.

Để đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi, Người đặc biệt quan tâm đến hiệu lực của tổ chức, bộ máy, tính nghiêm minh của kỷ luật, pháp luật, sự trong sạch, liêm khiết của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp từ trung ương đến địa phương.

Cùng với động lực kinh tế, Hồ Chí Minh còn coi trọng các động lực: văn hóa, khoa học, giáo dục và coi đó là như động lực tinh thần không thể thiếu được của chủ nghĩa xã hội.

- Ngoài các động lực bên trong, theo Người phải kết hợp được với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, phải sử dụng tốt nhất những thành tựu khoa học, kỹ thuật thế giới. Giữa nội lực và ngoại lực, Hồ Chí Minh xác định nội lực là yếu tố quyết định nhất, chính bởi vậy Người thường nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường nhưng luôn tranh thủ sự đồng tình, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại tạo thành sức mạnh tổng hợp để thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nét độc đáo trong tư duy biện chứng của Hồ Chí Minh là ở chỗ bên cạnh việc chỉ ra các nguồn động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội, Người còn lưu ý, cảnh báo và ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn lực vốn có của chủ nghĩa xã hội như là chủ nghĩa cá nhân, tham ô, lãng phí, quan liêu, chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật...mà Người gọi đó là “giặc nội xâm”.

II. CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ

- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin có hai con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Con đường thứ nhất là quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội từ những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao. Con đường thứ hai là quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội ở những nước chủ nghĩa tư bản phát triển thấp hoặc những nước có nền kinh tế lạc hậu, chưa trải qua thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản cũng có thể đi lên chủ nghĩa xã hội được trong điều kiện cụ thể nào đó, nhất là trong điều kiện Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản nắm quyền lãnh đạo và được một hay nhiều nước tiên tiến giúp đỡ.

- Trên cơ sở vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về cách mạng không ngừng và về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ điều kiện thực tiễn của Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy, quan niệm của Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là quá độ gián tiếp. Cụ thể, nước ta trải qua thời kỳ quá độ từ một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu sau khi giành được độc lập ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc điểm này chi phối các đặc điểm khác, thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và làm cơ sở nảy sinh nhiều mâu thuẫn, cơ bản nhất là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ và thực trạng kinh tế xã hội quá thấp kém của nước ta. Tuy vậy, chính ở nội dung về đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã thể hiện tư duy sáng tạo của Hồ Chí Minh dựa trên nền tảng quan điểm của các nhà kinh điển Mác - Lênin.

b. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Theo Hồ Chí Minh, do những đặc điểm và tính chất quy định, quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một quá trình lâu dài, khó khăn và phức tạp. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bao gồm hai nội dung lớn:

- Xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng cho chủ nghĩa xã hội.

- Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, chủ chốt và lâu dài.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có tính chất phức tạp và khó khăn. Điều này được Người lý giải như sau:

- Đây thực sự là cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt của đời sống xã hội về cả lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Nó đặt ra và đòi hỏi giải quyết hàng loạt mâu thuẫn khác nhau.

- Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam chưa có tiền lệ, vì vậy chúng ta phải vừa làm, vừa học, vừa rút kinh nghiệm và trong quá trình thực hiện không thể tránh khỏi những vấp vấp, sai lầm, thiếu sót.

- Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội chúng ta luôn bị các thế lực thù địch bao vây, chống phá.

Từ việc xác định tính chất khó khăn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên trong xây dựng chế độ phải thận trọng, tránh nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn. Có bước đi và phương châm phù hợp, vừa nắm bắt đúng quy luật nhưng vẫn linh động bám sát vào thực tiễn.

c. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ

- Trong lĩnh vực chính trị: Phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố và tăng cường vai trò quản lý của nhà nước, đồng thời phát huy tính tích cực của các tổ chức đoàn thể để nâng cao sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị.

- Trong lĩnh vực kinh tế: được Hồ Chí Minh đề cập đến trên các mặt như lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế. Người nhấn mạnh đến việc tăng năng suất lao động, trên cơ sở tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Trong cơ cấu kinh tế, Người coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, củng cố thương nghiệp để làm cầu nối tốt nhất cho các ngành sản xuất xã hội. Đối với kinh tế vùng, lãnh thổ, Hồ Chí Minh lưu ý phải phát triển đồng đều giữa các vùng kinh tế, tạo điều kiện để các vùng núi, hải đảo... khai thác hết tiềm năng vốn có của mình. Ở nước ta, Hồ Chí Minh cũng là người đầu tiên chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ với việc

xác định rõ vị trí của từng thành phần kinh tế trong đó kinh tế cần ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh để tạo nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, có những chính sách hợp lý để khuyến khích các thành phần kinh tế khác phát triển.

- Trong lĩnh vực văn hóa – xã hội: Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến việc xây dựng con người mới – con người toàn diện để có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, Người cũng đề cao vai trò của văn hóa giáo dục, khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài.

2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

- Để xác định bước đi và tìm cách làm phù hợp với Việt Nam, Hồ Chí Minh tìm ra nguyên tắc có tính chất phương pháp luận:

+ Một là, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về xây dựng chế độ mới, có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em trên cơ sở kế thừa có chọn lọc đồng thời phát triển sáng tạo cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

+ Hai là, xác định bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tiễn, đặc điểm của dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân

- Về phương châm thực hiện bước đi trong xây dựng chủ nghĩa xã hội: dần dần, thận trọng, từng bước một, từ thấp đến cao, không chủ quan, nôn nóng, việc xác định bước đi phải luôn căn cứ vào điều kiện khách quan quy định.

- Trong các bước đi lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý đến vai trò của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở xây dựng và phát triển nền nông nghiệp toàn diện, vững chắc, một hệ thống tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhẹ đa dạng nhằm giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho nhân dân, các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu cho xã hội.

- Cùng với các bước, HỒ Chí Minh đã gợi ý nhiều phương thức, biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, cụ thể như sau:

+ Thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.

+ Kết hợp xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Nam – Bắc khác nhau trong phạm vi một quốc gia.

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có kế hoạch, biện pháp, quyết tâm để thực hiện thắng lợi kế hoạch.

+ Trong điều kiện nước ta, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là đem tài dân, sức dân để tự làm lợi cho dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kết luận

- *Sáng tạo lý luận của HỒ Chí Minh:*

+ Gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

+ Quan điểm thực tiễn trong tiếp cận chủ nghĩa xã hội.

+ Nhấn mạnh yếu tố đạo đức, nhân văn trong bản chất của chủ nghĩa xã hội.

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Ý nghĩa của việc học tập:*

+ Có cơ sở khoa học tin tưởng vào sự thắng lợi tất yếu, bản chất tốt đẹp và những ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Xác định thái độ và có những hành động thiết thực đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

C. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng HỒ Chí Minh?
2. Tại sao HỒ Chí Minh khẳng định chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội ưu việt nhất?

3. Trình bày tư tưởng HỒ Chí Minh động lực của chủ nghĩa xã hội? Tại sao con người được coi là nguồn lực quan trọng nhất trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

4. Trình bày tư tưởng HỒ Chí Minh về con đường và biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

Chương IV

TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Chương này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Tư tưởng HỒ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm: quan niệm của Người về sự ra đời, vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam; những nguyên tắc, nội dung của việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh về tư tưởng lý luận, về chính trị, về tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ và đạo đức.

Đưa ra những kết luận từ tư tưởng HỒ Chí Minh về Đảng Cộng sản đó là những sáng tạo và ý nghĩa của nó trong việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là một Đảng cầm quyền.

2. Yêu cầu

Sinh viên cần nắm vững:

Tư tưởng HỒ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

Quan niệm của HỒ Chí Minh để xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

B. NỘI DUNG

I. QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Khi đề cập các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản, xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của nước Nga và của phong trào công nhân châu Âu, V.I.Lênin nêu lên hai yếu tố, đó là sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.

Khi đề cập sự hình thành của Đảng Cộng sản Việt Nam, bên cạnh hai yếu tố chủ nghĩa Mác – Lênin và phong trào công nhân, HỒ Chí Minh còn kể đến yếu tố thứ ba, đó là phong trào yêu nước.

HỒ Chí Minh thấy rõ vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với cách mạng Việt Nam và đối với quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Là hệ thống lý luận nhằm định hướng, chỉ đường, điều kiện quan trọng để mạng giành thắng lợi, đồng thời là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam. Người cũng đánh giá cao vị trí, vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam trong sắp xếp lực lượng cách mạng. Đó là giai cấp cách mạng, triệt để nhất, thấm nhuần chủ nghĩa Mác – Lênin nên là giai cấp giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

HỒ Chí Minh xuất phát từ thực tiễn Việt Nam đã đánh giá cao vai trò của phong trào yêu nước Việt Nam đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, vì:

+ Phong trào yêu nước có vị trí, vai trò to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước là giá trị tinh thần trường tồn trong lịch sử dân tộc Việt Nam và là nhân tố chủ đạo quyết định sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc ta.

+ Phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước bởi vì hai phong trào đó đều có mục tiêu chung đó là: giải phóng dân tộc, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, xây dựng đất nước hùng cường. Hơn nữa, phong trào công nhân cũng mang tính chất của phong trào yêu nước, vì phong trào công nhân không những chống lại ách áp bức giai cấp mà còn chống lại ách áp bức của dân tộc.

+ Phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân. Vì giai cấp công nhân Việt Nam chủ yếu xuất thân từ nông dân, cho nên giữa hai giai cấp này có mối quan hệ

mật thiết với nhau. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân hợp thành quân chủ lực của cách mạng.

+ Phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Phong trào yêu nước Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX ghi dấu ấn đậm nét bởi vai trò của trí thức, tuy số lượng không nhiều nhưng lại là những “ngòi nổ” cho các phong trào yêu nước bùng lên chống thực dân Pháp xâm lược và bọn tay sai cũng như thúc đẩy sự canh tân và chấn hưng đất nước.

Tóm lại: Sự kết hợp giữa ba yếu tố chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước là quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, thể hiện sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn Việt Nam của Hồ Chí Minh. Đồng thời, thể hiện quan điểm gắn kết vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như truyền thống của dân tộc, Hồ Chí Minh đã khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Nhưng quần chúng nhân dân phải được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo theo một đường lối đúng đắn thì mới trở thành lực lượng to lớn, như con thuyền phải có người cầm lái vững vàng theo một phương hướng đúng đắn thì thuyền mới vượt qua được gió to, sóng cả để đi đến bến bờ.

Hồ Chí Minh đã đặt ra vấn đề: "cách mạng trước hết phải có cái gì? trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức quần chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"¹.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.267-268

Tóm lại: Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tính quyết định hàng đầu từ sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam đã được thực tế lịch sử chứng minh, không có một tổ chức nào có thể thay thế được.

3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam là “Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam”.

Xuất phát từ quy luật hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, HỒ Chí Minh đã đi đến một luận điểm sáng tạo (2/1951): “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao Động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”¹.

Tư tưởng này của HỒ Chí Minh là hoàn toàn đúng đắn vì trên thực tế các tầng lớp nhân dân đều công nhận Đảng là bộ phận lãnh đạo của cả dân tộc, cho nên nhân dân ta thường nói Đảng ta, Đảng của nhân dân ta.

Đảng là Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc hoàn toàn không có nghĩa là không thấy rõ bản chất giai cấp của Đảng. HỒ Chí Minh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất của giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng được thể hiện ở:

- + Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin.
- + Mục tiêu, đường lối của Đảng thực sự vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.
- + Đảng tuân thủ nghiêm túc những nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

Đảng là Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc vì:

- + Đảng đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc: Đảng không chỉ đại diện và bảo vệ lợi ích cho giai cấp công nhân mà còn đem lại lợi ích cho tất cả các giai cấp, tầng

¹ HỒ Chí Minh : *Toàn tập*, t.6, tr.175

lớp khác trong xã hội, cho nên nhân dân Việt Nam coi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của chính mình.

+ Trong thành phần của Đảng ngoài giai cấp công nhân còn có những người ưu tú thuộc giai cấp nông dân, trí thức và các thành phần khác.

4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

a. Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền

Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước và xác định: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam. Người cũng xác định để thực hiện mục tiêu cần phải có một đảng cộng sản để lãnh đạo. Ngay từ 1920 trở đi Người đã tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930, lãnh đạo cách mạng Việt Nam: Đảng Cộng sản Việt Nam lấy công - nông làm gốc cách mạng, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cốt, mang bản chất giai cấp công nhân, ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân và toàn thể dân tộc Việt Nam, Đảng không còn lợi ích nào khác.

=> Với đường lối chính trị đúng đắn, tổ chức chặt chẽ, Đảng đã lãnh đạo toàn thể dân tộc giành chính quyền, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là thời điểm Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền.

b. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

Theo Hồ Chí Minh: Đảng cầm quyền là Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo quần chúng nhân dân giành được quyền lực nhà nước và Đảng trực tiếp lãnh đạo bộ máy nhà nước đó để tiếp tục hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Mục đích, lý tưởng của Đảng cầm quyền: Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Đó là mục đích, lý tưởng cao cả không bao giờ thay đổi trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ trung thành của nhân dân:
Quan điểm này của HỒ Chí Minh về Đảng cầm quyền là sự vận dụng, phát triển hết sức sáng tạo lý luận Mác – Lênin về đảng vô sản kiểu mới.

+ Là người lãnh đạo: Đảng phải có tư cách, phẩm chất và năng lực cần thiết. Lãnh đạo bằng giáo dục, thuyết phục. Đảng lãnh đạo nhưng quyền hành đều nằm nơi dân, do đó phải tổ chức, đoàn kết nhân dân lại thành một khối thống nhất, hướng dẫn cho dân hoạt động. Đảng phải sâu sát, gần bó mật thiết với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, khiêm tốn học hỏi nhân dân và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Để thực hiện đầy đủ chức năng của Đảng với tư cách là người lãnh đạo, theo HỒ Chí Minh Đảng phải thực hiện chế độ kiểm tra và việc phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên.

+ Là người đầy tớ: Đảng phải tận tâm, tận lực phụng sự nhân dân nhằm đem lại quyền lợi và lợi ích cho nhân dân theo tinh thần việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, còn việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh. Đồng thời, HỒ Chí Minh cũng đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải có tri thức khoa học, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, thấm nhuần đạo đức cách mạng.

Đảng cầm quyền, dân là chủ: Đảng lãnh đạo cách mạng là để thiết lập và củng cố quyền làm chủ của nhân dân. Quyền lực thuộc về nhân dân là bản chất, nguyên tắc của chế độ mới. Đảng phải lấy dân làm gốc. Mặt khác, dân muốn làm chủ thực sự thì phải theo Đảng; mỗi người dân phải biết lợi ích và bổn phận của mình tham gia vào xây dựng chính quyền.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH VỮNG MẠNH

1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

HỒ Chí Minh bàn về xây dựng Đảng không phải là khi trong Đảng có gì đột biến hay trong Đảng “có vấn đề nổi cộm” mà với Người xây dựng Đảng là một vấn đề tất yếu, thường xuyên để Đảng hoàn thành vai trò chiến sĩ tiên phong trước giai cấp, nhân dân và dân tộc.

Tính tất yếu khách quan của công tác xây dựng Đảng được Hồ Chí Minh lý giải cụ thể theo các khía cạnh sau:

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng bị chế định bởi quá trình phát triển liên tục của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo là một quá trình bao gồm nhiều thời kỳ, nhiều giai đoạn; mỗi thời kỳ, giai đoạn có những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể. Vì vậy, Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, đổi mới để vươn lên làm tròn trọng trách trước giai cấp và dân tộc.

Đảng là một bộ phận hợp thành cơ cấu của xã hội, mỗi cán bộ, đảng viên đều chịu ảnh hưởng của môi trường xã hội. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên thường rèn luyện; Đảng phải chú ý đến việc xây dựng Đảng.

Xây dựng Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn; Giúp cán bộ, đảng viên phải nhìn lại mình, phát huy mặt tốt, loại bỏ mặt xấu vốn có trong mỗi con người, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, đặc biệt là giữ được phẩm chất đạo đức cách mạng.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng quan tâm đến việc chỉnh đốn và đổi mới để hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi mọi tệ nạn do thoái hóa, biến chất gây nên. Khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền, Người đã chỉ rõ tính hai mặt của quyền lực: một mặt, quyền lực có sức mạnh to lớn để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới nếu biết sử dụng đúng; mặt khác, quyền lực nếu người nắm quyền lực, chạy theo quyền lực, lạm dụng quyền để làm lợi cho mình thì cần phải ngăn chặn.

2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận

Để đạt được mục tiêu cách mạng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Phải dựa vào lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Người khẳng định tầm quan trọng của lý luận đối với một đảng cách mạng: “Không có lực lượng cách mệnh thì không có cách mệnh vận động..., chỉ có lý luận cách mệnh tiên phong, Đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong”; “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt,

trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”¹.

Trong việc tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh lưu ý những điểm sau đây:

Việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn phù hợp với từng đối tượng.

Việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phải phù hợp với từng hoàn cảnh.

Trong quá trình hoạt động Đảng phải chú ý học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các Đảng Cộng sản khác, đồng thời Đảng phải tổng kết những kinh nghiệm của mình để bổ sung vào chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đảng phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

b. Xây dựng Đảng về chính trị

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng Đảng về chính trị có nhiều nội dung, bao gồm: Xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị... Trong đường lối chính trị là vấn đề quan trọng nhất trong sự tồn tại và phát triển của Đảng.

Đường lối chính trị là nội dung quan trọng nhất, bao gồm: cương lĩnh, đường lối chiến lược, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội cũng như sách lược và quy định những mục tiêu phát triển của xã hội.

+ Đảng phải xây dựng đường lối chính trị đúng đắn: dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; học tập kinh nghiệm của các đảng cộng sản anh em; dựa trên điều kiện thực tiễn của đất nước.

+ Tuyên truyền giáo dục đường lối chính trị của Đảng: Giáo dục đường lối, chính sách của Đảng; Thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên.

c. Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.268

Hệ thống tổ chức của Đảng: Phải thật chặt chẽ từ Trung Ương đến địa phương. Trong hệ thống tổ chức Đảng, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của chi bộ. Đây là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng, là môi trường tu dưỡng, rèn luyện đồng thời giám sát đảng viên. Chi bộ có vai trò quan trọng trong việc gắn kết Đảng với quần chúng nhân dân.

Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng

+ Tập trung dân chủ: là nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Tập trung trong Đảng là thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, tất cả đảng viên phục tùng vô điều kiện nghị quyết của Đảng, tạo sự thống nhất trong Đảng. Dân chủ là mở rộng ý kiến trong Đảng.

Tập trung và dân chủ là hai mặt, hai nội dung của một nguyên tắc, có mối quan hệ thống nhất, biện chứng. Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung.

+ Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách: là nguyên tắc lãnh đạo của Đảng.

Tập thể lãnh đạo mới huy động được toàn bộ trí tuệ của đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Cá nhân phụ trách là việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng, kế hoạch định rõ thì cần giao cho một người hoặc một nhóm người phụ trách mới có chuyên trách, công việc mới chạy.

Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách phải luôn luôn đi đôi với nhau. Người cho rằng: lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc, phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng hỏng việc.

+ Tự phê bình và phê bình: là nguyên tắc sinh hoạt Đảng, là qui luật phát triển của Đảng.

Tự phê bình và phê bình giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ, sửa đổi cách làm việc tốt hơn, tăng cường sức đoàn kết và thống nhất trong Đảng. Đối tượng trực tiếp của tự phê bình và phê bình là việc chứ không phải là người.

Hồ Chí Minh thường đặt tự phê bình trước phê bình vì nếu tự phê bình tốt mới có thể phê bình tốt. Đây là vũ khí để nâng cao trình độ lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng,

để Đảng làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình trước giai cấp, trước dân tộc. Để đạt được hiệu quả cao tự phê bình và phê bình phải được tiến hành trên cơ sở "tình đồng chí thương yêu lẫn nhau" và phải tiến hành thường xuyên như rửa mặt hàng ngày.

+ Kỷ luật nghiêm minh và tự giác: tạo nên sức mạnh của tổ chức Đảng

Tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng đòi hỏi tất cả mọi tổ chức Đảng, tất cả mọi đảng viên đều phải bình đẳng trước Điều lệ Đảng, trước pháp luật của Nhà nước, trước mọi quyết định của Đảng. Đồng thời, Đảng ta là một tổ chức gồm những người tự nguyện phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa nên tự giác là một yêu cầu bắt buộc đối với mọi tổ chức và đảng viên. Tính nghiêm minh, tự giác đòi hỏi đảng viên phải gương mẫu trong cuộc sống, công tác.

+ Đoàn kết thống nhất trong Đảng

Theo Hồ Chí Minh, trong đấu tranh cách mạng toàn Đảng phải đoàn kết thành một khối vững chắc, toàn Đảng phải thống nhất ý chí và hành động, mọi đảng viên phải bảo vệ sự đoàn kết thống nhất của Đảng như bảo vệ con người của mắt mình. Phải xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng để làm nòng cốt cho việc xây dựng sự đoàn kết trong nhân dân.

Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng phải dựa trên mục tiêu, lý tưởng của Đảng, dựa trên đường lối, chủ trương, dựa trên lợi ích giai cấp, nhân dân, dân tộc; Mở rộng dân chủ nội bộ; Thường xuyên tự phê bình và phê bình; Tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.

Cán bộ, công tác cán bộ của Đảng

+ Cán bộ: Hồ Chí Minh đề cao vai trò của cán bộ là gốc của công việc. Người từng nói: Cán bộ là gốc của mọi công việc, muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém. Tiêu chuẩn cán bộ: Phải có đạo đức cách mạng; Có năng lực tương ứng với nhiệm vụ được giao; Phải có phong cách công tác khoa học.

+ Công tác cán bộ: Hồ Chí Minh cho rằng công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng. Nội dung của công tác cán bộ gồm: tuyển chọn cán bộ, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ; đánh giá đúng cán bộ; tuyển dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ; thực hiện các chính sách đối với cán bộ.

d. Xây dựng Đảng về đạo đức

- Tư cách và đạo đức cách mạng của Đảng: là đạo đức mới, đạo đức cách mạng.

- Phương pháp giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên: Đây là một nội dung quan trọng trong việc tu dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Nó gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh.

Kết luận

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh:*

+ Về sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Lý luận về Đảng cầm quyền

+ Quan niệm xây dựng Đảng về đạo đức

- *Ý nghĩa của việc học tập:*

+ Thấy rõ vai trò lãnh đạo không thể thiếu được của Đảng trong cách mạng Việt Nam.

+ Tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng

+ Tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng: tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về mọi mặt

+ Có phương hướng phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam

C. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích tính sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

2. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam?

3. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh? Liên hệ thực tiễn?

Chương V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Chương này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Những luận điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế bao gồm: quan điểm về vai trò của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng, về nội dung của đại đoàn kết dân tộc và hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc; những quan niệm của Người về vai trò, nội dung, hình thức và những nguyên tắc của đoàn kết quốc tế.

Rút ra tính đúng đắn, sáng tạo và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

2. Yêu cầu

Sinh viên cần nắm được:

Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Mối quan hệ biện chứng giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

B. NỘI DUNG LÝ THUYẾT

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

a. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng

Đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, nhất quán, lâu dài

HỒ Chí Minh coi đoàn kết, đại đoàn kết là một vấn đề mang tính chiến lược lâu dài, quyết định sự thành bại của cách mạng. Trong từng thời kỳ và trong từng nhiệm vụ cụ thể khác nhau của cách mạng cần có phương pháp tổ chức, bố trí lực lượng tương ứng với những yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ cách mạng đó. Người coi đoàn kết là một chiến lược lâu dài, quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng bởi sự nghiệp cách mạng là rất to lớn, những người cách mạng phải đoàn kết với nhau để thực hiện sự nghiệp đó.

Đoàn kết làm nên sức mạnh

HỒ Chí Minh đã chỉ ra rằng, trong thời đại mới, để đánh bại các thế lực đế quốc thực dân nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, nếu chỉ có tinh thần yêu nước thì chưa đủ, cách mạng muốn thành công và thành công đến nơi, phải tập hợp được tất cả mọi lực lượng có thể tập hợp, xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc bền vững. Đó là chiến lược tập hợp lực lượng nhằm hình thành sức mạnh to lớn của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh với kẻ thù dân tộc.

Đại đoàn kết dân tộc được khẳng định là vấn đề sống còn

Theo HỒ Chí Minh, đại đoàn kết là vấn đề sống còn của dân tộc, là một chiến lược cách mạng - chiến lược huy động, tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được, hình thành sức mạnh to lớn của toàn dân tộc trong đấu tranh cách mạng. "Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi"¹; Đoàn kết là điểm mọp: "Điểm này mà thực hiện tốt thì để

¹ HỒ Chí Minh: Toàn tập, t.11, tr.22,154.

ra con cháu đều tốt"¹; “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”².

b. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc

Đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước – nhân nghĩa - đoàn kết là sức mạnh, là mạch nguồn của thắng lợi. Do đó, đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn của Đảng.

Đại đoàn kết dân tộc phải được khẳng định là nhiệm vụ hàng đầu của mọi giai đoạn cách mạng

Hồ Chí Minh nhấn mạnh vấn đề này là nhấn mạnh tới vai trò của thực lực cách mạng. Bởi cách mạng muốn thành công nếu chỉ có đường lối đúng chưa đủ mà trên cơ sở của đường lối đúng, Đảng phải cụ thể hoá thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử để lôi kéo, tập hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng. Thực lực đó chính là khối đoàn kết dân tộc.

Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc

Hồ Chí Minh còn chỉ ra rằng, đại đoàn kết dân tộc không phải chỉ là mục tiêu của Đảng, mà còn là nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc. Bởi vì, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, phải do quần chúng, vì quần chúng. Từ trong phong trào đấu tranh để tự giải phóng và xây dựng xã hội mới tốt đẹp, quần chúng nảy sinh nhu cầu đoàn kết và sự hợp tác. Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đoàn kết, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t. 8, tr.392.

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.10, tr.607.

a. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

Khái niệm Dân, nhân dân và đại đoàn kết dân tộc - đại đoàn kết toàn dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Khái niệm DÂN, NHÂN DÂN: Khái niệm này có nội hàm rất rộng, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng vừa là mỗi con người Việt Nam cụ thể, cả hai đều là chủ thể của đại đoàn kết dân tộc. Đó là “mọi con dân nước Việt”, “mỗi một người con Rồng cháu Tiên”, không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số, có tín ngưỡng hay không có tín ngưỡng, không phân biệt “già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện”.

+ Khái niệm đại đoàn kết dân tộc - đại đoàn kết toàn dân: Đại đoàn kết dân tộc thực chất là đại đoàn kết toàn dân

Nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc là liên minh công - nông

Đại đoàn kết dân tộc dựa trên nền tảng của khối liên minh công - nông là quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh trong việc xây dựng khối đại đoàn kết vững mạnh. Không có liên minh công - nông vững mạnh thì không thể xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân vững chắc bởi liên minh công - nông là cơ sở, là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân ở nước ta. Phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giai cấp - dân tộc để tập hợp lực lượng, không được phép bỏ sót một lực lượng nào, miễn là lực lượng đó trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, không là việt gian, không phản bội quyền lợi của dân chúng là được. Hồ Chí Minh viết: lực lượng chủ yếu trong khối đại đoàn kết dân tộc là công - nông, cho nên liên minh công - nông là nền tảng của mặt trận dân tộc thống nhất.

b. Điều kiện thực hiện đại đoàn kết dân tộc

Xây dựng khối đoàn kết dân tộc phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc.

Truyền thống này đã được hình thành, củng cố và phát triển trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của cả dân tộc, trở thành giá trị bền vững, thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam yêu nước. Truyền

thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng mọi thiên tai, địch họa, làm cho đất nước được trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

Phải khoan dung, độ lượng với con người, tin ở con người.

HỒ Chí Minh chỉ rõ, trong mỗi cá nhân cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, mặt tốt, mặt xấu... Cho nên, vì lợi ích của cách mạng, cần phải có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng cái phần thiện dù nhỏ nhất ở mỗi con người mới có thể tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng.

Lòng khoan dung độ lượng ở HỒ Chí Minh không phải là một sách lược nhất thời, một thủ đoạn chính trị mà là sự tiếp nối và phát triển truyền thống nhân ái, bao dung của dân tộc, từ chính mục tiêu của cuộc cách mạng mà Người suốt đời theo đuổi.

Có niềm tin vào nhân dân.

Nguyên tắc tối cao của HỒ Chí Minh là yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân. Nguyên tắc này vừa là sự tiếp nối truyền thống dân tộc “nước lấy dân làm gốc”, “chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân”, đồng thời là sự quán triệt nguyên lý mácxít “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”.

Theo Người, DÂN là chỗ dựa vững chắc của Đảng, là nguồn sức mạnh vô tận của khối đại đoàn kết, quyết định thắng lợi của cách mạng, là nền, gốc và chủ thể của Mặt trận.

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

a. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất

Đại đoàn kết dân tộc phải được thực hiện bằng sức mạnh của quần chúng nhân dân, có tổ chức, có lãnh đạo. Vì vậy, Người rất chú ý đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước, mà bao trùm lên tất cả là tổ chức mặt trận dân tộc thống nhất.

Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức và cá nhân yêu nước, nơi tập hợp mọi con dân nước Việt, không chỉ ở trong nước mà còn bao gồm cả những

người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài, nếu họ vẫn hướng về quê hương, đất nước đều được coi là thành viên của mặt trận.

Tuỳ theo từng thời kỳ, căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, cương lĩnh và điều lệ của mặt trận dân tộc thống nhất có thể có những nét khác nhau, tên gọi của mặt trận dân tộc thống nhất cũng có thể khác nhau.

b. Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

Mặt trận phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Mặt trận dân tộc thống nhất là thực thể của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, nơi qui tụ mọi con dân nước Việt. Song, đó không phải là một tập hợp lỏng lẻo, ngẫu nhiên, tự phát của quần chúng nhân dân, mà là một khối đoàn kết chặt chẽ, có tổ chức trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

+ Mặt trận dân tộc thống nhất và liên minh công - nông luôn được Hồ Chí Minh xem xét trong mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và giai cấp. Mặt trận dân tộc thống nhất càng rộng rãi, sức mạnh của khối liên minh công - nông - trí thức càng được tăng cường; ngược lại, liên minh công - nông - trí thức càng được tăng cường, mặt trận dân tộc thống nhất càng vững chắc.

+ Đảng vừa là thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận. Sự lãnh đạo của Đảng với mặt trận vừa là vấn đề mang tính nguyên tắc, vừa là một tất yếu bảo đảm cho mặt trận tồn tại, phát triển và có hiệu lực trong thực tiễn. Để lãnh đạo mặt trận, Đảng phải có chính sách mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ, phù hợp với quyền lợi và nguyện vọng của đại đa số nhân dân.

Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân.

+ Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất là để thực hiện đại đoàn kết toàn dân, song khối đại đoàn kết đó chỉ có thể bền chặt và lâu dài khi có sự thống nhất cao độ về mục tiêu và lợi ích.

+ Mục đích chung của Mặt trận dân tộc thống nhất được Hồ Chí Minh xác định cụ thể phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, nhằm tập hợp tới mức cao nhất lực lượng dân tộc vào khối đại đoàn kết.

Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững.

+ Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc, nó bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo khác nhau, với nhiều lợi ích khác nhau. Do vậy, hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất phải theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

+ Nguyên tắc hiệp thương dân chủ đòi hỏi tất cả mọi vấn đề của Mặt trận đều phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng nhau bàn bạc công khai, để đi đến nhất trí, loại trừ mọi sự áp đặt hoặc dân chủ hình thức.

+ Để thực hiện nguyên tắc hiệp thương dân chủ phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, lợi ích chung và lợi ích riêng, lợi ích lâu dài và lợi ích trước mắt...

Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Là một tập hợp nhiều giai tầng, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, bên cạnh những điểm tương đồng, giữa các thành viên của Mặt trận vẫn có những điểm khác nhau cần phải bàn bạc, hiệp thương dân chủ để thu hẹp những nhân tố khác biệt, cục bộ, nhân lên những nhân tố tích cực, nhân tố chung để đi đến thống nhất, đoàn kết. Để giải quyết vấn đề này, một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “*cầu đồng tồn dị*” lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt, *mặt khác*, Người nêu rõ: Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Vai trò của đoàn kết quốc tế

a. Thực hiện đoàn kết quốc tế kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo ra sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam

Thực hiện đoàn kết quốc tế để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho các mạng chiến thắng kẻ thù của tư tưởng Hồ Chí Minh và cũng là một trong những bài học kinh nghiệm quan trọng nhất, mang tính thời sự sâu sắc nhất của cách mạng Việt Nam. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một nội dung lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy trong xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một yêu cầu quan trọng.

Sức mạnh dân tộc Việt Nam là sức mạnh tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực, tự cường dân tộc, sức mạnh của tinh thần đoàn kết, của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do... Đây là nguồn lực nội sinh.

Sức mạnh thời đại: Là sức mạnh thuộc về giai cấp vô sản, là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin... Đây là nguồn lực ngoại sinh.

Mối quan hệ biện chứng giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

Mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại thực chất là mối quan hệ giữa nguồn lực nội sinh và nguồn lực ngoại sinh. Trong mối quan hệ này, Hồ Chí Minh coi sức mạnh của dân tộc - nguồn lực nội sinh là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Đồng thời, cần tranh thủ sức mạnh từ bên ngoài – sức mạnh thời đại để tạo nên sức mạnh tổng hợp trong quá trình cách mạng.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh là:

- + Kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế
- + Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội

+ Đặt cách mạng Việt Nam trong sự gắn bó với cách mạng vô sản thế giới nhưng nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo.

Tóm lại, cùng với nhận thức về sức mạnh dân tộc, Hồ Chí Minh đã nhận thức toàn diện về thời đại và sức mạnh thời đại trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Chính vì vậy, từ rất sớm Người đã có ý thức đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ hữu cơ với cách mạng thế giới. Người thấy rõ sự cần thiết và tầm quan trọng của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng

Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; thực hiện đoàn kết quốc tế không phải chỉ vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước, mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì các mục tiêu cách mạng của thời đại.

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động chính trị là thời đại chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng cho các dân tộc, làm cho vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của cả loài người. Ngay sau khi nắm được đặc điểm của thời đại mới, Hồ Chí Minh hoạt động không mệt mỏi để phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

Hồ Chí Minh chỉ ra, muốn tăng cường đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung, các đảng cộng sản phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ dân tộc, chủ nghĩa sô vanh...

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại.

2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức

a. Các lực lượng cần đoàn kết

Đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới.

+ Đây là lực lượng nòng cốt của đoàn kết quốc tế, Hồ Chí Minh cho rằng, sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản quốc tế là một đảm bảo vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

+ Chủ trương đoàn kết giai cấp vô sản các nước, đoàn kết giữa các đảng cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ tính tất yếu về vai trò của giai cấp vô sản trong thời đại ngày nay, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Đối với phong trào đấu tranh giải phóng các dân tộc.

+ Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc, tạo sự biệt lập, đối kháng và thù ghét dân tộc, chủng tộc... nhằm làm suy yếu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Chính vì vậy, Người đã kiến nghị Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản về những biện pháp nhằm “làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”¹.

+ Hồ Chí Minh khẳng định: đứng trước chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của giai cấp vô sản chính quốc và của nhân dân các nước thuộc địa là thống nhất.

Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý.

+ Đối với các lực lượng tiến bộ những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý, Hồ Chí Minh cũng tìm mọi cách để thực hiện đoàn kết. Trong xu thế mới của thời đại, sự thức tỉnh dân tộc gắn liền với thức tỉnh giai cấp, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hoà bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Bên cạnh ngoại giao Nhà nước, Hồ Chí Minh đẩy mạnh ngoại giao nhân dân, cho đại diện các tổ chức của nhân dân tiếp xúc, hợp tác với các tổ chức chính trị, xã hội, văn hoá của nhân dân thế giới... xây dựng các quan hệ hữu nghị, đoàn kết với các lực lượng tiến

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.124.

bộ thế giới. Gắn cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc với mục tiêu hoà bình, tự do và công lý.

+ Gắn cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc với mục tiêu hoà bình, tự do và công lý, Hồ Chí Minh đã khơi gợi lương tri của loài người tiến bộ, tạo nên tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ từ các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và từng con người trên hành tinh.

b. Hình thức tổ chức

Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là vấn đề sách lược, một thủ đoạn chính trị nhất thời mà là vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Dựa trên cơ sở các quan hệ về địa lý - chính trị và tính chất chính trị - xã hội khu vực và trên thế giới, cũng như tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong mỗi thời kỳ, Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng và củng cố khối đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các trào lưu cách mạng thời đại, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Đoàn kết trên cơ sở xây dựng mặt trận giữa ba nước Đông Dương.

Đối với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt. Cả ba dân tộc đều là láng giềng gần gũi của nhau, có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hoá và cùng có chung một kẻ thù đó là thực dân Pháp. Năm 1941, để khơi dậy sức mạnh và quyền tự quyết của mỗi dân tộc, Người quyết định thành lập riêng biệt Mặt trận độc lập đồng minh cho từng nước Việt Nam, Lào, Cao Miên, tiến tới thành lập Đông Dương độc lập đồng minh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc hình thành Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau cùng chiến đấu, cùng thắng lợi.

Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam.

Hồ Chí Minh chăm lo củng cố mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác nhiều mặt tinh thần “vừa là đồng chí, vừa là anh em” với Trung Quốc, nước láng giềng có quan hệ lịch sử - văn hóa lâu đời với Việt Nam; thực hiện đoàn kết với các dân tộc châu Á và châu Phi đang đấu tranh giành độc lập.

Mặt trận trong phe dân chủ và các lực lượng tiến bộ.

Những năm đấu tranh giành độc lập, Hồ Chí Minh tìm mọi cách xây dựng các quan hệ với Mặt trận dân chủ và lực lượng đồng minh chống phát xít, nhằm tạo thế dựa cho cách mạng Việt Nam. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, bằng hoạt động ngoại giao không mệt mỏi của mình, Hồ Chí Minh đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của bạn bè quốc tế và nhân loại tiến bộ, trong đó có cả nhân dân Pháp trong kháng chiến chống Pháp và cả nhân dân Mỹ trong kháng chiến chống Mỹ, hình thành Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có tình, có lý

Hồ Chí Minh cho rằng muốn xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế phải thống nhất trên cơ sở cùng chung mục đích và quyền lợi, phải tìm được những điểm chung, điểm tương đồng về mục tiêu quyền lợi giữa các dân tộc, giữa các lực lượng tiến bộ và cách mạng. Đây là nguyên tắc mang tính cốt tử, trọng yếu quyết định tập hợp lực lượng.

Đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

+ Đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh chủ trương gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

+ Đoàn kết trên cơ sở “có lý, có tình”. “Có lý” là tuân thủ những nguyên tắc lợi ích chung của cách mạng thế giới, tuân theo những nguyên tắc chủ nghĩa quốc tế vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đoàn kết có tình là tôn trọng nhau trên tinh thần cùng chung mục tiêu, lý tưởng, khắc phục tư tưởng nước lớn, tư tưởng đảng lớn, tư tưởng áp đặt. Lợi ích của mỗi đảng, mỗi quốc gia được tôn trọng mà không làm phương hại lợi ích chung và lợi ích quốc gia, dân tộc khác. “Có lý, có tình” thể hiện tính nguyên tắc, cũng là thể hiện sự mềm dẻo chứa đựng nội dung nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đoàn kết với các dân tộc trên thế giới.

Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, dân tộc có mong muốn góp phần thực hiện những mục tiêu chung của thời đại, thế giới.

Đoàn kết với các lực lượng tiến bộ trên thế giới: Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ hòa bình trong công lý.

b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực tự cường

Đoàn kết quốc tế là để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế, nhằm tăng thêm nội lực, tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đặt ra. Để đoàn kết tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: “tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”.

Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn.

Kết luận

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh.

+ Quan niệm rộng rãi, có nguyên tắc về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

+ Quan niệm về đại đoàn kết có tổ chức, có lãnh đạo.

- Ý nghĩa của việc học tập.

+ Thấy rõ vai trò, sức mạnh của đại đoàn kết; tin tưởng vào tiềm năng cách mạng của quần chúng nhân dân.

+ Đóng góp sức mình vào xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; thật sự đoàn kết trong tập thể nhằm tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

C. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng? Liên hệ với thực tiễn cách mạng Việt Nam?

2. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung của đại đoàn kết dân tộc? Để xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta hiện nay đòi hỏi chúng ta phải làm gì?

3. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thức của khối đại đoàn kết dân tộc? Liên hệ với thực tiễn Việt Nam?

4. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết và nội dung của khối đoàn kết quốc tế? Liên hệ với thực tiễn Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

5. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thức và nguyên tắc xây dựng khối đoàn kết quốc tế? Liên hệ với thực tiễn Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

Chương VI

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bài giảng sẽ cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về:

Xây dựng nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân.

Quan điểm Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của nhà nước ta thể hiện ở sự thống nhất biện chứng giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và dân tộc của nhà nước.

Xây dựng một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.

Xây dựng một nhà nước trong sạch và hoạt động có hiệu quả.

2. Yêu cầu

Sinh viên cần nắm được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và tính đúng đắn, sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quan niệm của Người về nhà nước của dân, do dân và vì dân.

B. NỘI DUNG LÝ THUYẾT

I. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC THỂ HIỆN QUYỀN LÀ CHỦ VÀ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

Quan điểm về xây dựng Nhà nước dân chủ là sự kế thừa và phát triển học thuyết Mác – Lênin về Nhà nước cách mạng, sự nghiệp này với Hồ Chí Minh và với dân tộc Việt Nam được bắt đầu từ sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – nhà nước mang bản chất dân chủ công – nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Quan điểm này có tính xuyên suốt và chi phối toàn bộ quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước cách mạng ở Việt Nam.

Dân chủ trong xã hội Việt Nam được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và biểu hiện ở phương thức tổ chức xã hội. Chế độ ta là chế độ dân chủ với mọi quyền hành và lực lượng đều nằm ở nơi dân, hệ thống chính trị “do dân cử ra” và “dân tổ chức nên”. Đồng thời, Người cũng chỉ rõ nguồn gốc, lực lượng tạo ra quyền hành đó là nhân dân.

Hồ Chí Minh không chỉ coi dân chủ có ý nghĩa là một giá trị chung, là sản phẩm của văn minh nhân loại mà còn xem nó là lý tưởng phấn đấu của các dân tộc và nó

không dừng lại với tư cách như là một thiết chế xã hội của một quốc gia mà nó còn có cả ý nghĩa biểu thị mối quan hệ quốc tế, hòa bình giữa các dân tộc. Đó là dân chủ, bình đẳng trong mọi tổ chức quốc tế, là nguyên tắc ứng xử trong các quan hệ quốc tế của Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam.

1. Nhà nước của dân

Nhà nước của dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh có những đặc điểm như sau:

- *Tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân.*

Trong 24 năm làm Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã đứng đầu uỷ ban soạn thảo hai bản Hiến pháp 1946 và 1959, trong Hiến pháp nêu rõ: tất cả quyền bính trong nhà nước đều là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo; những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ được đưa ra để toàn dân phúc quyết. Nhân dân có quyền làm chủ về mọi mặt trong đời sống xã hội.

- Nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước, cử tri bầu ra các đại biểu, uỷ quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh, đồng thời cũng có quyền bãi miễn đại biểu quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân nếu các đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

- Người dân được hưởng mọi quyền dân chủ. Hồ Chí Minh đã nêu lên quan điểm dân là chủ và dân làm chủ. Dân là chủ có nghĩa là xác định vị thế của dân, còn dân làm chủ có nghĩa là xác định quyền và nghĩa vụ của dân. Điều này nhắc nhở những người lãnh đạo, những người đại biểu của dân phải làm tròn trách nhiệm của mình, không phải là đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân.

2. Nhà nước do dân

Là Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Vì vậy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh nhiệm vụ của những người cách mạng là phải làm cho dân hiểu, dân giác ngộ để họ nâng cao trách nhiệm làm chủ, chăm lo xây dựng nước nhà. Người nói: Việc nước là việc chung, mỗi người phải có trách nhiệm ghé vai gánh vác một phần.

Nhà nước do dân làm chủ thể hiện qua việc tham gia quản lý Nhà nước của nhân dân.

+ Toàn bộ công dân có quyền bầu ra Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan duy nhất có quyền lập pháp.

+ Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Hội đồng chính phủ.

+ Hội đồng Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước thực hiện các nghị quyết của Quốc hội và chấp hành pháp luật.

+ Mọi công việc của bộ máy nhà nước trong việc quản lý xã hội đều thực hiện ý chí của dân (thông qua Quốc hội do dân bầu ra).

3. Nhà nước vì dân

- Nhà nước vì dân là nhà nước lấy lợi ích chính đáng của dân làm mục tiêu phấn đấu hàng đầu, tất cả đều vì mục tiêu phấn đấu của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước trong sạch, vững mạnh và hoạt động có hiệu quả. Mọi đường lối, chính sách đều nhằm mang lại lợi ích của nhân dân vì dân là gốc của nước.

- Cán bộ trong nhà nước vì dân vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ của nhân dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh, phải yêu dân, thương dân.

II. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI TÍNH NHÂN DÂN VÀ TÍNH DÂN TỘC CỦA NHÀ NƯỚC

1. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

- Theo quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lênin: Nhà nước là một phạm trù lịch sử, nó chỉ ra đời và tồn tại khi giai cấp và đấu tranh giai cấp xuất hiện. Nhà nước là sản phẩm tất yếu của xã hội có giai cấp, nó bao giờ cũng mang bản chất một giai cấp nhất định, không có nhà nước phi giai cấp, không có nhà nước đứng trên giai cấp.

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhà nước của dân, do dân và vì dân nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “nhà nước toàn dân” – nhà nước phi giai cấp. Nhà nước bao giờ và ở đâu cũng mang một giai cấp nhất định. Nhà

nước Việt Nam mới, theo quan điểm của HỒ Chí Minh, là một Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân vì:

+ Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân và Đảng lãnh đạo bằng phương thức thích hợp, về cơ bản phương thức lãnh đạo chung qua các thời kỳ đó là:

Đảng lãnh đạo bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa bằng pháp luật, chính sách, kế hoạch

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra

+ Bản chất giai cấp của Nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước

+ Biểu hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản là tập trung dân chủ: HỒ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến tính dân chủ và phát huy dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước nhằm mục tiêu tập trung mọi quyền lực vào tay nhân dân.

2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước

HỒ Chí Minh đã giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa các vấn đề dân tộc và giai cấp trong xây dựng Nhà nước Việt Nam mới. Người đã giải quyết hài hòa, thống nhất giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân, tính dân tộc khi cho rằng: bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc bởi vì giai cấp công nhân không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích dân tộc và chỉ có giải phóng dân tộc thì mới giải phóng được giai cấp công nhân một cách triệt để. Cụ thể mối quan hệ này được biểu hiện như sau:

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ, có sự hy sinh xương máu của nhiều thế hệ cách mạng, nhiều người Việt Nam.

Tính thống nhất còn biểu hiện ở chỗ Nhà nước ta luôn bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản.

Nhà nước ta đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ thế giới.

II. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CÓ HIỆU LỰC PHÁP LÝ MẠNH MẼ

Hồ Chí Minh đã sớm thấy được tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong quản lý xã hội. Điều này được thể hiện trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của Người. Một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ được Hồ Chí Minh chú ý xây dựng thể hiện trên những điểm sau đây:

1. Xây dựng một nhà nước hợp pháp, hợp hiến

- Hồ Chí Minh nêu ra và thực hiện điều này ngay sau khi cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền đã về tay nhân dân. Sau khi giành chính quyền trong cả nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt chính phủ cách mạng lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào và với thế giới về sự khai sinh của Nhà nước Việt Nam mới. Nhờ đó, Chính phủ lâm thời do cuộc cách mạng của nhân dân lập ra có được địa vị hợp pháp.

- Tiếp đó, Người đề nghị tiến hành cuộc Tổng tuyển cử để lập Quốc hội để từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức khác của Nhà nước mới. Cuộc tổng tuyển cử dân chủ đầu tiên trong lịch sử dân tộc ngày 06/01/1946 đã thành công tốt đẹp. Ngày 02/03/1946, Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh được Quốc hội nhất trí bầu làm Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Đây là chính phủ hợp hiến đầu tiên do đại biểu của nhân dân bầu ra, có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết mọi vấn đề đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam mới.

2. Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống

- Trong một nhà nước dân chủ, dân chủ và pháp luật phải đi đôi với nhau, nương tựa vào nhau mới bảo đảm cho chính quyền trở nên mạnh mẽ. Quản lý nhà nước là quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng hệ thống luật, trong đó quan trọng bậc nhất là Hiến pháp - đạo luật cơ bản của Nhà nước. Song, có Hiến pháp và pháp luật rồi nhưng không được đưa vào cuộc sống thì xã hội cũng sẽ bị rối loạn. Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước tức là đi liền với thực thi Hiến pháp và pháp luật. Do vậy, HỒ Chí Minh hết sức chăm lo việc đưa pháp luật vào cuộc sống, tạo cơ chế bảo đảm cho pháp luật được thi hành, cơ chế kiểm tra, giám sát việc thi hành đó trong các cơ quan nhà nước và trong nhân dân.

- Để thực thi pháp luật một cách nghiêm minh, theo HỒ Chí Minh mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật. Vì vậy, việc giáo dục pháp luật cho mọi người đặc biệt là cho thế hệ trẻ rất quan trọng trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền.

- Trong việc thực thi Hiến pháp và pháp luật, HỒ Chí Minh bao giờ cũng chú ý đảm bảo tính nghiêm minh và hiệu lực của chúng. Pháp luật phải thật sự công tâm và nghiêm minh để trở thành cán cân công lý đối với tất cả mọi người, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

IV. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC TRONG SẠCH, HOẠT ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước có đủ đức và tài

Để xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức rất quan trọng bởi cán bộ nói chung theo HỒ Chí Minh “là cái gốc của mọi công việc”, muôn việc thành, bại đều do cán bộ tốt hay kém. Nói một cách tổng quát nhất về yêu cầu đối với đội ngũ này, theo Người đó là những người vừa có đức, vừa có tài, trong đó đức là cái gốc, đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý, có hiệu quả. Cụ thể, yêu cầu với đội ngũ này như sau:

Một là, tuyệt đối trung thành với cách mạng: Đây là yêu cầu đầu tiên cần có đối với đội ngũ cán bộ, công chức. Cán bộ, công chức phải là những người kiên cường bảo

vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhà nước. Lòng trung thành ấy theo Hồ Chí Minh phải được thể hiện hàng ngày, hàng giờ, trong mọi công việc, trong mọi lĩnh vực đặc biệt là trong những thời điểm đất nước gặp khó khăn, chuyển giai đoạn.

Hai là, hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn nghiệp vụ: Hồ Chí Minh đã nêu lên mối quan hệ biện chứng giữa đức và tài, với người cán bộ trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, hai yếu tố đó luôn cần thiết và gắn bó chặt chẽ với nhau. Người cán bộ nếu chỉ có lòng nhiệt tình thôi thì chưa đủ, cùng lắm chỉ phá được cái xấu, cái cũ mà không xây dựng được cái mới. Yêu cầu tối thiểu với đội ngũ này là phải hiểu và nắm rõ được công việc của mình – đó là chuyên môn, nghiệp vụ. Tính chuyên nghiệp trong công việc của cán bộ viên chức được tạo ra từ quá trình học tập, tiếp thu và tự học ở mọi lúc, mọi nơi.

Ba là, phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân: Hồ Chí Minh luôn chủ trương xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa cán bộ viên chức với nhân dân. Đội ngũ cán bộ, công chức là những người hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước do nhân dân đóng góp, do vậy, họ phải “hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân”, lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu cho hoạt động của mình. Chính bởi vậy, Người nhắc nhở cán bộ, công chức nhà nước phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phải yêu dân, thương dân, phải đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động quản lý nhà nước như: tham ô, lãng phí, quan liêu, đặc quyền, đặc lợi; tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo...

Bốn là, cán bộ, công chức nhà nước phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, “thắng không kiêu, bại không nản”: Đó là những người có ý thức sẵn sàng làm “đầy tớ”, “công bộc” của dân, làm “trâu ngựa” cho nhân dân, là những người cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm việc với tinh thần sáng tạo. Muốn vậy, đội ngũ cán bộ công chức nhà nước theo Hồ Chí Minh phải luôn nêu cao tinh thần học hỏi, nâng cao trình độ về mọi mặt và luôn tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cách mạng.

Năm là, phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn luôn có ý thức và hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của nhà nước: Tự phê bình và phê bình là yêu cầu cần

thiết đối với đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước để có thể giữ vững phẩm chất đạo đức và năng lực công tác, để đáp ứng yêu cầu và trọng trách của những người phục vụ nhân dân. Đồng thời, cán bộ, công chức phải chăm lo xây dựng bộ máy nhà nước trở nên gọn nhẹ, có hiệu lực, phù hợp với từng giai đoạn để nhà nước thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

2. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước

Xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân không bao giờ tách rời với việc làm cho nhà nước luôn luôn trong sạch, vững mạnh. Điều này luôn luôn thường trực trong tâm trí và hành động của Hồ Chí Minh, đặc biệt là khi chính quyền còn non trẻ hay những lúc cách mạng chuyển giai đoạn vì chính những lúc đó cách mạng đứng trước những thử thách rất gay go và tiêu cực rất dễ trở thành nguy cơ làm biến chất nhà nước.

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chí Minh thường đề cập những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục:

- + Đặc quyền, đặc lợi
- + Tham ô, lãng phí, quan liêu
- + "Tư túng", "chia rẽ", "kiêu ngạo"

3. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa quản lý xã hội bằng pháp luật và phát huy những truyền thống tốt đẹp trong đời sống cộng đồng người Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử.

Sự thống nhất hài hòa giữa lý trí và tình cảm, nghiêm khắc, bao dung, nhân ái nhưng không bao che cho những sai lầm khuyết điểm là nguyên tắc căn bản của Hồ Chí Minh trong suốt những năm với cương vị Chủ tịch nước. Người luôn chủ trương dùng nghiêm pháp luật để tạo sự công bằng trong xã hội nhưng cũng dùng sức mạnh của mình để cảm hóa những người mắc sai lầm, khuyết điểm, kéo họ đi với cách mạng.

Với những chỉ dẫn mang tính lý luận sâu sắc về pháp luật, về giáo dục đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh chính là hiện thân của “nhân trị” – Khổng Tử và “pháp trị” – Hàn Phi Tử, pháp quyền Hồ Chí Minh thực chất là “Pháp quyền nhân nghĩa”.

KẾT LUẬN

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh:*

+ Lựa chọn kiểu Nhà nước phù hợp với thực tế Việt Nam

+ Bản chất dân chủ triệt để của Nhà nước mới

+ Quan niệm về sự thống nhất bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

+ Kết hợp cả đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội

- *Ý nghĩa của việc học tập:*

+ Thấy được vai trò của Hồ Chí Minh trong việc khơi nguồn dân chủ xác lập Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam

+ Nhận thức bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta

+ Có thái độ đúng đắn trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, tham gia xây dựng Nhà nước trong sạch, sáng suốt, mạnh mẽ.

C. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Anh (chị) hãy phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân? Liên hệ với thực tiễn xây dựng Nhà nước Việt Nam hiện nay?

2. Anh (chị) hãy phân tích sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của nhà nước?

3. Trình bày tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ ở Việt Nam? Liên hệ với việc xây dựng Nhà nước Việt Nam hiện nay?

4. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một Nhà nước trong sạch, vững mạnh và hoạt động có hiệu quả? Liên hệ với thực tiễn xây dựng Nhà nước Việt Nam hiện nay?

Chương VII
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG
CON NGƯỜI MỚI

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bài giảng nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa: Quan niệm chung về văn hóa, về vai trò, về một số lĩnh vực chính của văn hóa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của đạo đức cách mạng, về những phẩm chất đạo đức cần có của con người mới và đưa ra những nguyên tắc cơ bản để xây dựng đạo đức mới.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh mà nội dung cốt lõi là vấn đề con người.

2. Yêu cầu

Sinh viên cần nắm được những quan điểm chung, cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới - cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. NỘI DUNG

I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Định nghĩa về văn hóa và quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới

a. Định nghĩa về văn hoá

Tháng 8 - 1943, Hồ Chí Minh đưa ra định nghĩa về văn hóa:

“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Với định nghĩa này, Hồ Chí Minh đã khắc phục được quan niệm phiến diện về văn hóa trong lịch sử và hiện tại.

b. Quan điểm về xây dựng một nền văn hoá mới

Theo Hồ Chí Minh, nền văn hoá dân tộc phải được xây dựng trên 5 điểm lớn sau đây:

(1) Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.

(2) Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr.431.

(3) Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

(4) Xây dựng chính trị: dân quyền.

(5) Xây dựng kinh tế”¹.

Muốn xây dựng nền văn hoá dân tộc thì phải xây dựng trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, tâm lý con người.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hoá

a. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hoá trong đời sống xã hội

Một là, văn hoá là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng.

Văn hoá có mối quan hệ mật thiết với kinh tế, chính trị, xã hội, tạo thành bốn vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội và được nhận thức như sau:

- Trong quan hệ với chính trị và xã hội: Hồ Chí Minh cho rằng, chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hoá mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hoá phát triển.

- Trong quan hệ với kinh tế: Hồ Chí Minh chỉ rõ kinh tế là thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hoá.

Hai là, văn hoá không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế.

Đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh không nhấn mạnh một chiều về sự phụ thuộc “thụ động” của văn hoá vào kinh tế, chờ cho kinh tế phát triển xong rồi mới phát triển văn hoá. Người cho rằng, văn hoá có tính tích cực, chủ động, đóng vai trò to lớn như một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế và chính trị.

Văn hoá phải đứng trong kinh tế và chính trị, có nghĩa là văn hoá phải tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế; điều đó cũng có nghĩa là kinh tế và chính trị cũng phải có tính văn hóa, làm cho văn hoá phải thực sự là vừa mục tiêu vừa là động lực của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Văn hoá là mục tiêu thì văn hoá phải góp phần giải phóng con người ra khỏi sự nô dịch và nâng cao năng lực phẩm giá và tiến lên con người toàn diện.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr.431.

Văn hoá là động lực thì văn hoá phải góp phần thúc đẩy con người hành động hướng tới chân - thiện - mỹ. Trong đó giải quyết đúng đắn mối quan hệ hài hoà giữa các lợi ích.

b. Quan điểm về tính chất của nền văn hoá

Tính chất của nền văn hoá mới đã được diễn đạt theo nhiều cách khác nhau song nền văn hoá mới mà chúng ta xây dựng theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao hàm ba tính chất: *dân tộc, khoa học, đại chúng*.

- *Tính dân tộc* của nền văn hoá mới được Hồ Chí Minh diễn đạt bằng nhiều khái niệm như đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc, nhằm nhấn mạnh đến chiều sâu bản chất rất đặc trưng của văn hóa dân tộc, giúp phân biệt, không nhầm lẫn với văn hóa các dân tộc khác. Theo Người, tính dân tộc của nền văn hóa không chỉ thể hiện ở chỗ biết giữ gìn, kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, mà còn phải phát triển những truyền thống tốt đẹp ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước.

- *Tính khoa học* của nền văn hóa mới thể hiện ở tính hiện đại, tiên tiến, thuận với trào lưu tiến hóa của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nền văn hóa mới phải phục vụ trào lưu đó. Đội ngũ những người làm công tác văn hóa phải có trí tuệ, hiểu biết khoa học tiên tiến; phải có chiến lược văn hóa, xây dựng lý luận văn hóa mang tầm thời đại.

- *Tính đại chúng* của nền văn hóa là phục vụ nhân dân, phù hợp với nguyện vọng nhân dân, đậm đà tính nhân văn. Đó là nền văn hóa do đại chúng nhân dân xây dựng.

c. Quan điểm về chức năng của văn hoá

Một là, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và những tình cảm cao đẹp.

Văn hóa thuộc đời sống tinh thần của xã hội. Tư tưởng và tình cảm là vấn đề chủ yếu nhất của đời sống tinh thần của xã hội và con người. Tư tưởng có thể đúng đắn hoặc sai lầm, tình cảm có thể thấp hèn hoặc cao đẹp. Theo Hồ Chí Minh, văn hóa có chức năng bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho con người, đồng thời loại bỏ những tư tưởng sai lầm, tình cảm thấp hèn.

Lý tưởng là điểm hội tụ của tư tưởng lớn. Hồ Chí Minh khẳng định văn hóa phải làm cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, tự cường, độc lập, tự do; phải làm cho quốc dân "có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng". Tình cảm lớn, theo Hồ Chí Minh là lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức...

Tư tưởng và tình cảm có mối quan hệ gắn bó với nhau. Tình cảm cao đẹp là con đường dẫn tới tư tưởng đúng đắn; tư tưởng đúng làm cho tình cảm cao đẹp hơn, làm cho con người ngày càng hoàn thiện.

Hai là, mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí.

Nói đến văn hóa là phải nói đến dân trí. Đó là trình độ hiểu biết, là vốn kiến thức của người dân. Nâng cao dân trí bắt đầu từ việc làm cho người dân biết đọc, biết viết để có thể hiểu biết các lĩnh vực khác của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, lịch sử, khoa học - kỹ thuật... Đó là quá trình bổ sung kiến thức mới, làm cho mọi người không chỉ là chuyển biến dân trí mà còn nâng cao dân trí, điều mà khi chính trị chưa được giải phóng thì không thể làm được.

Tùy từng giai đoạn cách mạng mà mục đích của nâng cao dân trí có điểm chung và riêng, nhưng tất cả đều nhằm mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước có văn hóa cao và đời sống tươi vui, hạnh phúc.

Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh; hướng con người tới chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân.

Phẩm chất và phong cách được hình thành từ đạo đức, lối sống, thói quen của cá nhân và phong tục tập quán của cả cộng đồng. Phẩm chất và phong cách thường có mối quan hệ gắn bó với nhau.

Các phẩm chất thường được thể hiện qua phong cách, lối sinh hoạt, làm việc, lối ứng xử trong đời sống. Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, Hồ Chí Minh đề ra những phẩm chất và phong cách cần thiết để mỗi người tự tu dưỡng.

Những phẩm chất và phong cách tốt đẹp làm nên giá trị con người. Văn hóa giúp con người hình thành những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh,

thông qua phân biệt cái đẹp với cái xấu, hư hỏng, cái tiến bộ với cái lạc hậu, bảo thủ. Giúp con người vươn tới cái chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân mình.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hoá

a. Văn hoá giáo dục

Trong quá trình xây dựng nền văn hóa giáo dục ở Việt Nam, trên cơ sở phê phán nền giáo dục phong kiến (kinh viện, xa thực tế, coi sách của thánh hiền là đỉnh cao của tri thức...) và nền giáo dục thực dân (ngu dân, đối bại, xảo trá, nguy hiểm hơn cả sự dốt nát), Hồ Chí Minh đã đưa ra một hệ thống quan điểm rất phong phú và toàn diện, định hướng cho nền giáo dục phát triển đúng đắn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

- *Mục tiêu của văn hóa giáo dục* là để thực hiện cả ba chức năng của văn hóa thông qua việc dạy và học. Dạy và học mở mang dân trí, nâng cao kiến thức, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp, những phẩm chất và phong cách tốt đẹp cho con người.

- *Nội dung giáo dục*: bao gồm xây dựng chương trình, nội dung dạy và học hợp lý, phù hợp với các giai đoạn cách mạng. Nội dung giáo dục phải toàn diện, cách học phải sáng tạo. Xã hội ngày càng phát triển, nhân dân ngày càng tiến bộ nên Người cho rằng phải tiến hành *cải cách giáo dục* nhằm xây dựng chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học thật khoa học, hợp lý, đáp ứng với đòi hỏi của cách mạng.

- *Phương châm, phương pháp giáo dục*:

Phương châm giáo dục: học đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế; học tập kết hợp với lao động; phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội; thực hiện dân chủ, bình đẳng trong giáo dục; học mọi lúc, mọi nơi, học mọi người, học suốt đời; coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại.

Phương pháp giáo dục phải xuất phát và bám chắc vào mục tiêu giáo dục.

- *Về đội ngũ giáo viên*: Phải quan tâm xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có đạo đức cách mạng, yêu nghề, yên tâm công tác, giỏi chuyên môn... Mỗi giáo viên phải là một tấm gương sáng về đạo đức và học tập.

b. Văn hoá văn nghệ

Một là, văn hóa - văn nghệ là một mặt trận, văn nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng.

Quan điểm “*văn nghệ là mặt trận*” tức là khẳng định vai trò, vị trí của văn hóa - văn nghệ trong sự nghiệp cách mạng, coi mặt trận văn hóa cũng có tầm quan trọng như mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế. Trong mặt trận đó “*nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí*” do vậy, người nghệ sĩ cần có lập trường, tư tưởng đúng đắn, vững vàng, luôn đặt lợi ích và nhiệm vụ phục vụ nhân dân và Tổ quốc lên trên hết. Họ phải nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, nghiệp vụ, đặc biệt phải có phẩm chất, bản lĩnh, tài năng để sáng tạo ra những sản phẩm tinh thần phục vụ cuộc sống, phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

Hai là, văn nghệ phải gắn với thực tiễn đời sống của nhân dân.

Thực tiễn đời sống nhân dân là những nguồn nhựa sống của văn hóa văn nghệ. Văn nghệ sĩ có quyền hư cấu, nhào nặn, thăng hoa tác phẩm của mình song phải xuất phát và trở về với cuộc sống thực tại của con người, cái chân thật trong đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Ba là, phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới của đất nước và dân tộc.

Mục tiêu của văn nghệ là phục vụ quần chúng. Muốn phục vụ tốt quần chúng thì phải nâng cao chất lượng nội dung và hình thức của tác phẩm. Tác phẩm hay là tác phẩm cần *diễn đạt vừa đủ* những điều đáng nói, ai đọc cũng *hiểu* được, và đọc xong phải *suy ngẫm* và *thấy có bổ ích*. Tác phẩm văn nghệ phải phong phú, đa dạng về thể loại, không thể đơn điệu, nghèo nàn. Chính món ăn tinh thần phong phú đó cũng sẽ mở ra con đường sáng tạo mới cho văn nghệ sĩ.

c. Văn hoá đời sống

Văn hóa đời sống thực chất là *đời sống mới* với ba nội dung: *đạo đức mới, lối sống mới, nếp sống mới*, trong đó đạo đức mới đóng vai trò chủ yếu nhất.

- *Đạo đức mới*: Thực hành đời sống mới trước hết là thực hành đạo đức cách mạng. Người luôn nêu cao và thực hành đạo đức Cần, kiệm, liêm, chính.

- *Lối sống mới*: Lối sống mới là lối sống có lý tưởng, có đạo đức; kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại tạo nên lối sống văn minh, tiên tiến.

- *Nếp sống mới*: Xây dựng nếp sống mới (nếp sống văn minh) là quá trình làm cho lối sống mới dần dần hình thành những thói quen và phong tục tập quán tốt đẹp, kế thừa và phát triển được những thuần phong mỹ tục lâu đời của dân tộc. Xây dựng nếp sống mới nhằm biến nước ta từ một quốc gia nghèo nàn, lạc hậu trở thành một quốc gia văn minh và phú cường là một công việc lâu dài, khó khăn đòi hỏi sự quyết tâm của cả cộng đồng dân tộc.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

a. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

- *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*

+ Hồ Chí Minh khẳng định đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹. Người cách mạng muốn cho dân tin, dân yêu thì trước hết phải có tư cách đạo đức.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Người luôn cảnh báo với nguy cơ thoái hoá biến chất của cán bộ, đảng viên. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”.

+ Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là *đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo*. Chính vì vậy, Người luôn đặt đức - tài trong mối quan hệ gắn bó mật thiết. Đức là gốc nhưng đức và tài, hồng và chuyên phải kết hợp, năng lực và phẩm chất phải đi đôi, không thể có mặt này, thiếu mặt kia.

“Có tài mà không có đức là người vô dụng

Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó”

¹ Hồ Chí Minh: toàn tập, tập 5, tr.252-253.

- *Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội*

+ Theo Hồ Chí Minh, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội chưa phải là ở lý tưởng cao xa, ở mức sống vật chất dồi dào, ở tư tưởng được tự do giải phóng, mà trước hết là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, ở phẩm chất của những người cộng sản luôn sống và chiến đấu cho lý tưởng đó thành hiện thực.

b. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- *Trung với nước, hiếu với dân*

"Trung" và "hiếu" vốn là những khái niệm đạo đức cũ chứa đựng nội dung hạn hẹp: "Trung với vua, hiếu với cha mẹ", phản ánh bổn phận, trách nhiệm của dân đối với vua, con đối với cha mẹ.

Hồ Chí Minh đưa vào khái niệm cũ một nội dung mới, mang tính cách mạng, đó là *trung với nước, hiếu với dân*. Đây là chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

+ *Nội dung chủ yếu của trung với nước là:* Trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng và xã hội, phải biết đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của cách mạng lên trên hết, trước hết; Quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu cách mạng; Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

+ *Nội dung chủ yếu của hiếu với dân là:* Khẳng định vai trò sức mạnh thực sự của nhân dân; Tin dân, học dân, lắng nghe ý kiến của dân, gần bó mật thiết với dân, tổ chức, vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*

Cần tức là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng, dẻo dai.

Kiệm là tiết kiệm vật tư, tiền bạc, của cải, thời gian, không xa xỉ, không hoang phí.

Liêm là trong sạch, không tham lam tiền của, địa vị, danh tiếng.

Chính là không tà, là thẳng thắn, đứng đắn. Các đức tính đó có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Cần mà không kiệm giống như một chiếc thùng không đáy. Kiệm mà

không cần thì lấy gì mà kiệm. Cần, kiệm, liêm là gốc rễ của chính. Nhưng một cây cần có gốc rễ, lại cần có cành, lá, hoa, quả mới là hoàn chỉnh.

Chí công vô tư là không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào; là đặt lợi ích của cách mạng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Thực hành chí công vô tư cũng có nghĩa là phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng.

- *Thương yêu con người, sống có tình nghĩa*

Yêu thương con người được Hồ Chí Minh xác định là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Tình thương yêu con người ở Hồ Chí Minh không chung chung, trừu tượng mà luôn luôn được nhận thức và giải quyết trên lập trường của giai cấp vô sản, dành cho các dân tộc và con người bị áp bức, đau khổ.

Hồ Chí Minh thương yêu con người với một tình cảm sâu sắc, vừa bao la rộng lớn, vừa gần gũi thân thương đối với từng số phận con người. Tình thương yêu con người ở Hồ Chí Minh luôn gắn liền với hành động cụ thể, phấn đấu vì độc lập của Tổ quốc, tự do hạnh phúc cho con người.

- *Có tinh thần quốc tế trong sáng*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự thống nhất, hòa quyện giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Chủ nghĩa quốc tế là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Nó bắt nguồn từ bản chất giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn, vượt ra khỏi quốc gia dân tộc.

Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng và thương yêu tất cả các dân tộc, nhân dân các nước, chống sự hằn thù, bất bình đẳng dân tộc và sự phân biệt chủng tộc.

c. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

- *Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức*

Hồ Chí Minh coi đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng một nền đạo đức mới.

Đạo đức cách mạng (nền đạo đức mới) luôn được nhận thức và giải quyết trên lập trường của giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích của cách mạng. Nói đi đôi với làm còn nhằm chống thói đạo đức giả.

Nêu gương đạo đức, nói đi đôi với làm là một nét đẹp của văn hóa phương Đông. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: "*Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền*"¹.

Theo Hồ Chí Minh ở đâu, giai đoạn nào cũng cần và có những tấm gương người tốt, việc tốt. Tùy theo nhiệm vụ và tình hình cụ thể mà tấm gương đó được biểu hiện ở những mặt nào, trong chiến đấu, lao động, học tập, cuộc sống đời thường trong gia đình, ngoài xã hội... Việc bồi dưỡng, nêu gương "người tốt, việc tốt" là rất quan trọng và cần thiết, không được xem thường. Xây dựng đạo đức mới, nêu gương đạo đức phải rất chú trọng tính chất phổ biến, rộng khắp, vững chắc của toàn xã hội và những hạt nhân "người tốt, việc tốt" tiêu biểu.

- *Xây đi đôi với chống*

Để xây dựng một nền đạo đức mới, cần phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây.

Xây dựng những phẩm chất mới trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những chuẩn mực, những phẩm chất đạo đức bên cạnh đó còn khơi dậy sự tự ý thức của mỗi người.

Xây phải đi đôi với chống. Chống là chống những thói hư, tật xấu, những trở lực kìm hãm sự phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội. Do vậy đối với những cái xấu phải được tiến hành bằng tự phê phán, giáo dục, thuyết phục, kỉ luật, cải tạo, ..

Tuy nhiên, để giành được thắng lợi trong cuộc chiến đấu này, điều quan trọng là phải phát hiện sớm phải tuyên truyền, vận động hình thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sạch về đạo đức.

- *Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời*

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.263.

Tu dưỡng đạo đức là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc và văn hóa phương Đông. Hồ Chí Minh đã nói về ưu điểm của Khổng Tử là "vấn đề tu dưỡng đạo đức cá nhân". Quan điểm của Khổng Tử là "chính tâm, tu thân". Có "tu thân" mới làm được những việc lớn khác như "trị quốc, bình thiên hạ". "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"¹. Mỗi người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày, đó cũng là công việc phải làm kiên trì bền bỉ suốt đời, không được chủ quan, tự mãn.

2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

a. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

- *Xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức đối với cá nhân, đó là những chuẩn mực, những quy tắc, quan niệm về các giá trị thiện, ác, trách nhiệm, lương tâm, danh dự... được xã hội thừa nhận. Người khẳng định “ Thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức giống như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa...”²*

- Kiên trì tu dưỡng theo các chuẩn mực đạo đức Hồ Chí Minh

Đối với thanh niên, sinh viên tri thức, Hồ Chí Minh đã sớm xác định những phẩm chất tối cần thiết để họ phấn đấu rèn luyện, Người tóm tắt trong “ sáu cái yêu: yêu tổ quốc; yêu nhân dân; yêu chủ nghĩa xã hội; yêu lao động; yêu khoa học và kỹ thuật...”

b. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

- Thực trạng đạo đức lối sống trong sinh viên hiện nay

Bên cạnh một bộ phận sinh viên hiện nay có biểu hiện phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có chí lập thân, lập nghiệp, chạy theo lối sống thực dụng, sống thử, thiếu trách nhiệm, thờ ơ với gia đình, với xã hội... thì phần lớn sinh viên hiện nay vẫn giữ được lối sống tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh, khiêm tốn, sống có bản lĩnh, có chí hướng lập thân, lập nghiệp, năng động, nhạy bén, dám đối mặt với khó khăn, thử thách...

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, tr.293.

². Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, tr.172

- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức HỒ Chí Minh

+ Một là, học trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

+ Hai là, học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

+ Ba là, học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái; vị tha, khoan dung và nhân hậu đối với con người.

+ Bốn là, học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

a. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể

Hồ Chí Minh xem xét con người như một chỉnh thể thống nhất về tâm lực, thể lực và các hoạt động của nó. Con người luôn có xu hướng vươn tới cái Chân - Thiện - Mỹ.

Hồ Chí Minh có cách nhìn nhận, xem xét con người trong tính đa dạng của nó: đa dạng trong quan hệ xã hội, đa dạng trong tính cách, khát vọng, phẩm chất, khả năng; đa dạng trong hoàn cảnh xuất thân, điều kiện sống, làm việc...

Hồ Chí Minh xem xét con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: thiện và ác, hay và dở, tốt và xấu, hiền và dữ... bao gồm cả tính người - mặt xã hội và tính bản năng - mặt sinh học của con người.

b. Con người cụ thể, lịch sử

Bao giờ Hồ Chí Minh cũng nói đến con người cụ thể, lịch sử. Tùy theo từng thời điểm lịch sử cụ thể gắn liền với từng thời kỳ cách mạng, Người dùng khái niệm này hay khái niệm khác để chỉ “con người” và xem xét nó trong những bình diện, những chiều khác nhau. Trong những năm 20 của thế kỷ XX, Người thường dùng các khái niệm “người bản xứ”, “người bản xứ bị áp bức”, “ người bản xứ bị bắt là nô lệ”, “người mất nước”... để đặt trong một bối cảnh cụ thể và một tư duy chung. Người

xem xét con người trong các mối quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp; theo giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, trong khối thống nhất của cộng đồng dân tộc và quan hệ quốc tế. Đó là con người hiện thực, cụ thể, cảm tính, khách quan.

c. Bản chất con người mang tính xã hội

- Để sinh tồn, con người phải lao động sản xuất, trong quá trình lao động sản xuất các mối quan hệ được xác lập. Trong quá trình lao động sản xuất, con người dần dần nhận thức được các hiện tượng, quy luật của tự nhiên, của xã hội; hiểu về mình và hiểu biết lẫn nhau... và cũng chính từ đó, các mối quan hệ đó được xác lập.

- Con người là sản phẩm của xã hội. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh con người là sự tổng hợp các từ hẹp đến rộng, chủ yếu bao gồm các quan hệ anh, em; họ hàng; bầu bạn; đồng bào; loài người.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

- Con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng.

Theo Hồ Chí Minh, “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của toàn dân”. Vì vậy, “vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”¹. Nhân dân là người sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần.

Dân ta là tài năng, trí tuệ và sáng tạo, họ biết "giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra"². Đặc biệt là lòng sốt sắng, hăng hái của dân để thực hiện con đường cách mạng. Hồ Chí Minh có niềm tin vững chắc ở nhân dân và coi nhân dân là yếu tố quyết định thành công của cách mạng.

- Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, tr.241.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, tr.295.

+ Con người là mục tiêu của cách mạng

Vì con người là mục tiêu của cách mạng nên mọi chủ trương, đường lối, chính sách đều phải xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của con người. Người xác định rõ: trách nhiệm của Người cũng như trách nhiệm của Đảng và chính phủ là “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”...Người còn nói “ nếu đất nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do , thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Mục tiêu của một cuộc cách mạng triệt để: đích cuối cùng là để giải phóng con người, đem lại tự do hạnh phúc cho con người.

+ Con người là động lực của cách mạng

Con người là động lực của cách mạng được nhìn nhận trên phạm vi cả nước, toàn thể đồng bào, song không phải mọi con người đều trở thành động lực mà phải là những người được thức tỉnh, giác ngộ, giáo dục, định hướng và tổ chức. Con người là động lực chỉ có thể thực hiện được khi hoạt động có tổ chức, có lãnh đạo. Giữa con người - mục tiêu và con người - động lực có một mối quan hệ biện chứng. Phải kiên quyết khắc phục kịp thời các phản động lực trong con người và tổ chức.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”

- “Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng.

Sự nghiệp “trồng người” là chiến lược hàng đầu của cách mạng. Trên cơ sở khẳng định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới sự nghiệp giáo dục, đào tạo, rèn luyện con người Người nói đến “Lợi ích trăm năm” và xác định đây là một quan điểm mang tầm vóc chiến lược, cơ bản, lâu dài nhưng cũng rất cấp bách. Do đó, con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển.

- “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”

+ Con người xã hội chủ nghĩa đương nhiên phải do chủ nghĩa xã hội tạo ra. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình lâu dài, không ngừng hoàn thiện, nâng cao và thuộc về trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, gia đình, cá nhân mỗi người.

+ Mỗi bước xây dựng con người như vậy là một nấc thang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là mối quan hệ biện chứng giữa “xây dựng chủ nghĩa xã hội” và “con người xã hội chủ nghĩa”.

+ Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người mới xã hội chủ nghĩa có hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau. Một là, kế thừa những giá trị tốt đẹp của con người truyền thống. Hai là, hình thành những phẩm chất mới.

- Chiến lược “Trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Để thực hiện chiến lược “trồng người”, cần có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục và đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Bởi vì giáo dục tốt sẽ tạo ra tính thiện, đem lại tương lai tươi sáng cho thanh niên. Ngược lại, giáo dục tồi sẽ ảnh hưởng xấu đến thanh niên.

Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện về cả đức, trí, thể, mỹ, phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. Hai mặt đức, tài thống nhất với nhau, không tách rời nhau, trong đó đức là gốc, là nền tảng cho tài năng phát triển. Phải kết hợp giữa nhận thức và hành động, lời nói với việc làm... có như vậy mới có thể “học để làm người”.

“Trồng người” là công việc “trăm năm”, không thể nóng vội “một sớm một chiều”, không phải làm một lúc là xong cũng không phải tùy tiện, đến đâu hay đến đó. Nhận thức và giải quyết vấn đề này có ý nghĩa thường trực, bền bỉ trong suốt cuộc đời mỗi con người, trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh cho rằng: “Việc học không bao giờ cùng, còn sống còn phải học”.

KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh

+ Đề cao vai trò của văn hóa, gắn văn hóa với phát triển

+ Xác lập hệ thống quan điểm có giá trị xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam.

+ Đề cao vai trò của đạo đức, gắn đạo đức với sự phát triển tiến bộ của xã hội.

+ Xác lập hệ chuẩn giá trị đạo đức cho con người mới Việt Nam.

+ Coi trọng con người và xây dựng con người.

- Ý nghĩa của việc học tập

+ Thấy rõ những cống hiến kiệt xuất của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

+ Xác định rõ phương hướng, biện pháp học tập tư tưởng văn hóa, đạo đức và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

+ Nhận thức rõ biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, đặc biệt là sự quan tâm đến con người.

+ Xác định con đường phấn đấu để trở thành con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

C. CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Anh (chị) hãy trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, chức năng và tính chất của nền văn hóa?

2. Anh (chị) hãy trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hoá?

3. Anh (chị) hãy trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của đạo đức cách mạng?

4. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về những phẩm chất đạo đức cách mạng của con người Việt Nam trong thời đại mới?

5. Trình bày những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

6. Phân tích tính cấp thiết của việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với sinh viên trong giai đoạn hiện nay?

7. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, vị trí con người trong cách mạng?